

## BUỒN THEO NĂM THÁNG

Có lệ chia ly mặn vị đời  
Lời yêu giả tạo lướt bờ môi  
Khi tình xa chạy ngoài ngàn dặm  
Nghĩa đá vàng là ảo mộng thời

Có ước mơ tầm tay khó với  
Tiếc không hiện hữu ở trong đời  
Loay hoay tìm kiếm đành buông bỏ  
Ăn oán tình thù cũng nghỉ chơi

Có người khách lạ rời phi trường  
Áo khoác ba lô đầm ướt sương  
Nghĩa địa tìm thăm, đâu mộ bạn?  
Chim trời xao xác tiếng kêu thương

Có điệu văn ngàn câu tưởng niệm  
Đêm cầu kinh nền thấp trang nghiêm  
Chiến trường xa xác anh nằm lại  
Nắm mộ còn trong mỗi trái tim

Có ly rượu đắng đợi ngày xuân  
Sững sốt bỗng nghe nhạc vọng gần  
Bài hát bao năm nằm ngục tối  
Thoát gông cùm hội ngộ người thân

Có tháng ngày buồn nơi viễn xứ  
Xa quê lỗi hẹn tiệc đoàn viên  
Mong còn gặp bạn thương binh cũ  
Lạc lõng bên đời sống lãng quên

Đâu hào quang một thời danh vọng?  
Những tượng đài giờ thấy trống không  
Viễn khách về trong lòng phố cũ  
Nghe buồn vang gió hú chiều đông

**Lý Hiểu**

VA, Tháng 03/2016

## BỐN MƯƠI MỐT NĂM DƯ

Tôi ngồi như pho tượng  
Bốn mươi một năm dư  
Đêm đen trời vằn vũ  
Gào thét mặt đất khô.

Tôi ngồi như pho tượng  
Đếm mãi buồn Tháng Tư  
Bàn thờ khói nghi ngút  
Niệm niệm đau vô bờ.

Tôi ngồi như pho tượng  
Nghe tiếng súng chát khô  
Tur Lệnh tôi nằm xuống  
Đôi mắt còn mở to.

Lai Khê ơi ! máu chảy  
Bến Cát rợp mây mù  
Hồn tôi nghe lạnh buốt  
Mãi mãi vành khăn sô.

Bốn mươi một năm dư  
Tôi ngồi như pho tượng  
Thời gian là lao tù  
Vây quanh hồn tị nạn.

**ĐẶNG NGUYỄN**

Texas, 4-2016



# TIẾNG VIỆT TIẾNG MỸ

## Thư Bàn Về Ngữ Pháp Và Văn Hóa Việt Nam

### ĐẶT THU LỆ

Cũng như bao nhiêu người khác, tôi sinh ra và lớn lên trên đất Việt, nói và viết tiếng mẹ đẻ một cách tự nhiên như hơi thở ra thở vào, suy nghĩ và hành động trong cách tự nhiên của một người được hun đúc trong lò văn hóa Việt. Khi thành linh bước chân sang đất Mỹ năm 75, phải tranh đấu để hội nhập với đời sống văn hóa Mỹ, phải lo sinh tồn trên mảnh đất mới, phải nói tiếng Anh hàng ngày trong công việc và có rất nhiều lần tôi khựng lại tìm chữ hoặc tìm câu dịch từ Việt sang Anh để diễn tả điều tôi muốn nói, tôi mới nghĩ nhiều và quan tâm đến sự khác biệt của ngôn ngữ và văn hóa giữa người với người. Cũng từ đó nhìn thấy sự cảm thông giữa mọi người là một vấn đề quan trọng và ngạc nhiên thích thú về những đặc tính của ngữ pháp Việt Nam.

Theo làn sóng tỵ nạn năm 1975, tôi coi là may mắn được tiếp tục nghề dạy học mặc dù phải cố gắng học hỏi và thích nghi với môi trường văn hóa giáo dục mới. Trong giờ dạy văn phạm Anh Văn, khi giảng về sự quan trọng của các dấu chấm phẩy trong câu cũng như vị trí của các từ đặt trong câu làm cho câu có thể có một ý nghĩa khác hẳn, tôi đem

câu tiếng Anh dưới đây ra làm thí dụ. Chỉ một chữ ONLY ta có thể có 3, 4 câu ý nghĩa khác nhau tùy theo chữ ONLY được đặt ở chỗ nào:

*I only love you.*

*I love you only.*

*I love only you.*

*Only I love you.*

Câu 1: Tôi chỉ yêu em (chứ không muốn làm gì khác như sống với em hay lấy em). Câu 2 và 3 có lẽ có cùng một ý: Tôi chỉ yêu em (chứ không yêu ai khác). Câu 4: Chỉ có tôi yêu em thôi (chứ đâu có ai !)

Thầy trò chúng tôi có bàn cãi đến cái gọi là “từ đặt sai chỗ” (misplaced modifier), nếu để nhầm chỗ có thể gây hiểu lầm cho điều mình muốn nói. Học trò tôi là học trò trường Mỹ nên rất tiếc là tôi không thể đem những thí dụ của ngữ pháp Việt Nam ra để mong có sự thông cảm và nhấn mạnh thêm sự quan trọng cũng như tai hại của những cụm từ đặt sai chỗ. Khi cụm từ bị đặt sai chỗ, khi dấu chấm phẩy bị đặt sai chỗ hay thiếu sót, và khi có sự khác biệt về văn hóa thì dễ gây ra hiểu lầm nhất là trong văn viết. Trong lời nói thì thấy ít vấn đề hơn vì có đối thoại hay giọng nói có chỗ nhấn mạnh hoặc chỗ ngừng (pause) trong câu có thể làm sáng tỏ vấn đề.

Nhưng trong văn viết thì sự thông hiểu hoàn toàn phụ thuộc vào cái gì được trình bày trên giấy và vì vậy đã giới hạn sự hiểu biết và cảm thông.

Các bạn thử đọc mấy câu tôi lược được ở trên mạng:

1. Let's eat Grandpa.
2. Let's eat, Grandpa.

hay

3. Mary finds inspiration in cooking her family and her dog.

4 Mary finds inspiration in cooking, her family, and her dog.

thì chắc ai cũng thấy rõ ràng là những dấu phẩy ở câu thứ 2 và 4 đã giúp tránh được sự hiểu lầm và đã giúp ...cứu mạng mấy người thân rồi!

Tiếng Việt mình không thiếu những trường hợp như trên. Xin mọi người thử nghe câu này từ miệng một bác sĩ dẫn bệnh nhân: “Ăn cơm không được uống rượu.” Ông bác sĩ cũng cẩn thận viết vào toa cho bệnh nhân đem về. Người vợ rất lấy làm thích thú: “Thấy chưa, có bác sĩ bảo mới chịu nghe.” Nhưng ngày 1, vẫn thấy ông chồng uống rượu. Bà vợ hỏi tại sao không nghe lời bác sĩ thì ông chồng trả lời: “Ăn không ngon thì phải uống rượu chứ!” (Ăn không được, uống rượu). Ngày 2, vẫn thấy chồng uống rượu, vợ giận lắm, hỏi tại sao. Ông chồng lại bảo: “Cơm chẳng có gì ăn thì phải uống chứ.” (Ăn cơm không, uống rượu). Những thí dụ khác kiểu “Mỗi gia đình hai con vợ chồng hạnh phúc”

hoặc “Nam sinh bỏ áo trong quần nữ sinh mặc áo dài” đã đem lại nhiều trận cười trong lúc trà dư tửu hậu...

Nhưng trong tiếng Việt, vấn đề không phải chỉ là “misplaced modifier” mà là sự linh động của ngôn ngữ Việt trong khả năng hoán chuyển các từ trong câu làm câu có ý nghĩa nội dung khác nhau.

Một số những từ ghép không thay đổi ý nghĩa khi hoán chuyển, chỉ giúp cho câu văn dễ nghe hơn (nhất là khi nó ở cuối câu vì tiếng Việt có âm thanh trầm bổng như hát – một tonal language) hoặc làm câu thơ vần hơn hay đúng hơn về luật bằng trắc. Thí dụ: vui tươi hay tươi vui thì cũng vậy, rồi nhớ thương hay thương nhớ, cay đắng với đắng cay, sông núi với núi sông, cây cỏ và cỏ cây...v.v. thì cũng thế.

Nhưng đa số những từ ĐƠN khi hoán chuyển vị trí đã thay đổi hẳn nghĩa của câu, đem mình vào mê hồn trận. Chẳng hạn như trong vài hát “Ly rượu Mừng” của Phạm Đình Chương có câu “Kìa nơi xa xa có bà mẹ già...” mà thằng con 12 tuổi của tôi (chắc chữ Việt ăn đong!) đã hát thành “Kìa nơi xa xa có ...mẹ bà già...” thì mình đã thấy xa đi hàng trăm cây số rồi. Hoặc là viết “chó con” thành “con chó”, hay “chịu ăn, chịu uống” thành “ăn chịu, uống chịu”...v.v. Chúng ta thử bỏ một câu 5 chữ vào rọ, sóc lên như chơi trò xổ số xem chúng ta góp được bao nhiêu câu khác nhau. Xin lấy một thí dụ tôi gom được từ email trên mạng gửi đến:

## SAO KHÔNG BẢO NÓ ĐẾN?

Sao nó bảo không đến?  
Sao không đến bảo nó?  
Sao nó không bảo đến?  
Sao? Đến bảo nó không?  
Sao? Bảo nó đến không?  
Nó đến, sao không bảo?  
Nó đến, bảo không sao.  
Nó bảo sao không đến?  
Nó đến, sao bảo không?  
Nó bảo đến không sao?  
Nó bảo không đến sao?  
Nó không bảo, sao đến?  
Nó không bảo đến sao?  
Nó không đến bảo sao?  
Bảo sao nó không đến?  
Bảo nó: Đến không sao.  
Bảo sao nó không đến?  
Bảo nó đến, sao không?  
Bảo nó không đến sao?  
Bảo không, sao nó đến?  
Bảo sao? Nó đến không?

Sơ sơ chúng ta đã có 21 câu khác nhau. Các bạn có thấy ngán không? Người ngoại quốc nào mà học tiếng Việt kiểu này và bạn nào định dạy con cháu con rề Mỹ tương lai những thứ này thì chắc con cháu mắt xanh tóc vàng hét hồn và chạy luôn quá! Để thực sự hiểu nghĩa từng câu, tôi đã thử ngồi xuống dịch những câu trên sang tiếng Anh để giúp con tôi hiểu thì thấy câu dịch chẳng có gì là khó hiểu hay nhầm lẫn. Sao, các bạn đã ra khỏi “mê hồn trận” chưa?.

Nói về sự khác biệt ngôn ngữ & văn hóa và ảnh hưởng hỗ tương của sự hình thành và phát triển của hai phạm trù này thì chúng ta hãy thử nhìn vào tiếng Việt của chúng ta. Tuy cùng là người Việt, nói cùng một thứ tiếng nhưng ba miền Bắc, Trung, Nam cũng có những từ ngữ, lối nói lối sống khác nhau, và cách ăn uống nấu nướng cũng khác nhau. Chỉ một động từ tiếng Anh là chữ “COOK” nghĩa là nấu chín (bằng sức nóng, bằng cách đun sôi, bỏ lò, hay chiên sào) mà chúng ta có thể diễn tả bằng bao nhiêu từ khác sau. Chỉ riêng phần dùng nước và sức nóng để làm chín đồ ăn, chúng ta có thể: nấu, luộc, hấp, ninh, um, om, kho, bung (cà), tần (vịt), thổi (com), chao, chụng và ... còn gì nữa? Những động từ này chắc không có trong kho tàng ngôn ngữ Việt thời nguyên thủy. Chắc phải nhờ tài nấu nướng muôn màu muôn vẻ trong văn hóa ẩm thực của các bà nội trợ Việt Nam mới khai sinh ra các từ này và làm giàu cho ngôn ngữ Việt.

Tại sao lại “thổi” com thay vì nấu com? Có phải vì ở nhà quê có sẵn rơm nên người ta lấy rơm thay củi và phải thổi lửa đốt hết một đồng rơm to tướng mới nấu chín một nồi com? Tôi còn nhớ những buổi sáng ở quê ngoại, tôi mò xuống bếp co ro trong tấm áo đơn, lấy cục than hồng còn lại trong đồng tro để làm mồi hay cái bùi nhùi, ép một nắm rơm gần cục than, phồng miệng thổi cho lửa bắt vào rơm. Thổi com xong còn đám lửa tàn mà “lùi” một củ

khoai vào đó cho chín thì phải biết là ngon vô cùng! Đã một đôi lần tôi thắc mắc không biết văn hóa và ngôn ngữ cái nào có trước? không biết cái trứng có trước rồi nở ra con vịt hay con vịt có trước rồi đẻ trứng? Tôi thắc mắc nhưng không dám không dám hỏi ai về điều này sợ bị “quê”. Nếu các bà nội trợ Việt nấu nướng và làm giàu cho ngôn ngữ ẩm thực thì chắc văn hóa phải có trước cũng như mấy người thời tiền sử, kể từ lúc ở hang, kiếm ăn bằng cây cỏ, săn bắn đến lúc biết ngồi xuống trước đồng lửa, biết hơ miếng thịt trên lửa để nướng cho thơm thì đã là có văn hóa và gọi nhau bằng tiếng hú hay ra dấu hiệu bằng tay thì có luôn ngôn ngữ rồi? Và em bé “thoạt sinh ra thì đã khóc chóc” thì chắc lại là có ngôn ngữ trước? Đừng cười tôi lần thân nhé!

Các bạn cứ thử mở một cuốn tự điển Việt cỡ trung bình thường dùng ở nhà, không cần phải cuốn lớn như thường thấy ở các thư viện, mà xem. Các chữ khác thì chẳng có gì đáng nói, nhưng thử tìm xem động từ ĂN có bao nhiêu chữ? It nhất là có 3 trang với hàng trăm từ ghép để thành động từ, danh từ hoặc tính từ có chữ ĂN, áp dụng cho các trường hợp ở ngoài đời dù chẳng dính dáng gì tới chuyện ăn uống. Thí dụ như ăn cắp, ăn khách, ăn gian, ăn ảnh...v.v Trong khi đó nếu mở một cuốn tự điển tiếng Anh mà tìm chữ “EAT” thì giới lắm bạn thấy có được 1/4 trang với vài động từ ghép với các giới từ hay trạng từ như eat up, eat out và vài thành ngữ

như “eat your heart out” “eat your words...v.v Sự khác biệt về lượng này nói lên được điều gì về phương diện văn hóa? Có phải rằng văn hóa Việt của chúng ta coi trọng phần ẩm thực không? Người ta bảo “Miếng ăn là miếng nợ nần” mà. Lại nữa “Khách đến nhà không gà thì gỏi”. Có con gà nuôi ngoài sân, chỉ khi nào có khách quý đến mới đem vào “hy sinh” đãi khách. Mâm cao cỗ đầy, ăn uống linh đình để rồi ngày hôm sau khi tàn cuộc lại com rau thanh đạm. Tại sao chúng ta phải làm thế? Có phải tại trong một văn hóa không được dư thừa về phương diện vật chất, chúng ta sợ bà con làng xóm biết mình nhà nghèo (vì không đủ ăn)? Dù có nghèo túng thật cũng không muốn lộ cho ai biết, vì vậy có gì ngon nhất thì “nhịn miệng đãi khách”. Làm nhiều hơn sức người có thể ăn, không tính “soản” phần ăn mỗi người (để vừa ăn đã thấy hết), coi sự dư thừa đồ ăn là dấu hiệu của sự phồn thịnh, “có của ăn của để”. Hèn chi chúng ta thích chụp hình bên cạnh bàn ăn...và trước khi ăn, như một chứng tích của sự thành công, tiến lên một bậc thang xã hội, lâu dần trở thành một tập tục và người Việt mình được tiếng là hiếu khách!

Trong khi đó, chúng ta nhận thấy các bạn bè Mỹ của chúng ta không vất vả hay quan tâm lắm về vấn đề ăn uống. Tôi đến chơi nhà một người bạn Mỹ, thử thả uống một ly ca phê hay nhâm nhi một vài cái bánh. Có khi ngồi nói chuyện đã đời chẳng ăn uống gì, cũng

không ai thắc mắc. Văn hóa này không cho người ta những “nhãn hiệu” căn cứ vào chuyện ăn nhiều hay ăn ít, nhất là phần lớn đang cố nhịn ăn để thân hình được gọn gàng thon thả hơn. Riêng với người Việt chúng ta thì không phải rằng chúng ta chỉ chú trọng việc ăn cho no hay ăn cho ngon mà làm như sự quan tâm đó có bao hàm một sự hài lòng, mãn nguyện, một kiêu hãnh về bậc thang xã hội mà mình đang leo lên, một thành công (không phải về ăn uống) mà mình đang đạt được...

Bây giờ trở lại cuốn tự điển tiếng Anh, thử tìm chữ “TAKE” hay chữ “GET”. Các bạn sẽ thấy mỗi chữ có ít nhất 3 trang nhưng là take up, take off, take on, take out, take over... get up, get down, away, through... Mỗi chữ có một nghĩa khác nhau báo hại các học sinh ESL học muốn chết mà cũng không nhớ hoặc dùng lộn. Chữ PRENDRE của tiếng Pháp cũng kể là có khá nhiều. Điều đó nói lên cái gì? Có phải văn hóa Âu mỹ là ..thực tế, năng nổ hơn văn hóa Việt không? Người ta “nắm”, “giữ”. “lấy” cái gì ra cái nấy, tính toán rõ ràng, phân tích rành mạch để có thể là “go-getter”. Người bạn Âu Mỹ chắc phải là tháo vát, tự tin, năng nổ (aggressive), thực tế hơn người bạn Việt chăng?

Cách đây khá lâu, tình cờ tôi được một người bạn ở Pháp cho mấy trang bản thảo của một cuốn tự điển Việt nam đang soạn. Theo lời anh bạn hỏi đó thì một bậc lão niên ở Pháp là cụ Đào Trọng Đủ đang soạn một cuốn tự điển

VN dưới hình thức văn vần. Cụ Đủ chắc cũng nhận thấy chữ ẪN tràn ngập trong kho tàng ngữ vựng VN nên mới sưu tầm và viết ra những dòng thơ sau này. Tôi không biết sau này cuốn tự điển của cụ đã hoàn thành và đã xuất bản chưa, và cũng không rõ cụ có còn sống không? Nhưng tôi còn giữ những dòng thơ này và xin chia sẻ với các bạn để thấy tiếng Việt mình “giàu” như thế nào và văn hóa đã làm giàu cho ngôn ngữ ra sao:

### CHỮ ẪN

*Chữ ăn ý nghĩa rồi rào  
Tha hồ thi sĩ nghèo ngao ồm ờ  
Bị ăn cắp ngòi trơ mắt ếch  
Vị ăn tham nên méch lòng nhau  
Ăn thừa vang vẻ gì đâu  
Ăn gian ăn lận của nhau bậy chầy  
Người túng bán ăn vay từng bữa  
Kẻ giàu sang ăn bữa từng xu  
Ăn chơi quen thói lu bù  
Ăn tiền hối lộ như “vu” mới là (tiếng  
Pháp “vous” = you)  
Ông ốm ghen vì bà ăn rở  
Cậu đi tu để vợ ăn chay  
Trước khi ăn tiệc “mề đay” (tiếng  
Pháp me’daille = huy chương)  
Học cho biết cách ăn mà huy chương  
Chồng cặm cụi ăn lương nhà nước  
Vợ ung dung hút thuốc ăn trâu  
Tổ tôm ông phải ngòi châu  
Cái khàn không phỗng mặc dầu bà ăn  
Mong chóng đến ngày xuân ăn tết  
Tam cúc ai ăn kết xe điều  
Bánh chưng bánh tét cho nhiều*

Để dành ăn giỗ bao nhiêu cũng vừa  
Ba ngày tết ăn bữa ăn bãi  
Tết xong xuôi họ lại ăn chơi  
Nhạc thời ăn nhịp cờ thời ăn quân  
Người lao động cời trần ăn nắng  
Khách khuê phòng da trắng như ngà  
Thiên nhiên sẵn đúc một tòa  
Để cho ăn nắng chẳng ma nào thềm  
Vãi nào vãi ăn khem suốt tháng  
Sư nào sư ăn mặn quanh năm  
Ăn ngòi rồi lại ăn nầm  
Ăn kham mặc khổ Quan Âm độ trì  
Ăn hương hỏa thiếu gì sung sướng  
Ăn hoa hồng tôi tưởng bền hơn  
Ăn thê là để rửa hờn  
Nhân dân đầy đủ giang sơn vững vàng  
Kẻ xấu thói ăn lương ăn lận  
Người quen mui ăn bản ăn bầy  
Ăn lời ăn lãi không đầy  
Bụng ta cũng vậy bụng tây khác gì  
Người ăn xôi ở thì vô số  
Kẻ ăn không nói có “da na” (tiếng  
Pháp, “je n’en ai pas-tôi không có cái đó?)  
Ăn non rồi lại ăn già  
Ăn gian cờ bạc mới là người ngoan  
Ai chẳng biết làm quan ăn lễ  
Ai không hay lính lệ ăn bòn  
Ăn quèo ăn quẹt mới ngon  
Ăn quanh ăn quẩn vẫn còn ngô nghê  
Ăn lột dạ tỳ tê rồi đói  
Ăn thông lưng sành sỏi càng no  
Ăn chung đồ lộn tự do  
Ăn cầm chừng để vừa cho có chừng  
Trai cướp vợ ăn mừng ỏm tòi  
Gái tranh chồng ăn hội linh đình  
Ăn thua có một chữ tình  
Để người ăn cắp rồi mình ăn năn

Ăn mới thực văn nhân tài tử  
Ăn nguyên là văn tự quốc gia  
Trăm năm trong cõi người ta  
Không ăn thiên hạ cho là dở hơi.

Động từ ghép “ĂN” nhiều vô kể  
Xin chép thêm mong để chư tôn coi cho  
đỡ nhớ đỡ buồn, vì còn tiếng Việt mới  
còn dân Nam

Ăn chung ăn dứt ăn tham  
Ăn đụng ăn ké ăn gian ăn mày  
Ăn cười ăn rồi ăn vay  
Ăn vụng ăn bám ăn chay ăn lường  
Ăn chèo ăn chực ăn sương  
Ăn vạ ăn tái ăn đường ăn non  
Ăn gấu ăn hiếp ăn bòn  
Ăn hại ăn vãi ăn dòn ăn dơ  
Ăn chặn ăn cướp ăn nhờ  
Ăn gỏi ăn khớp ăn thua ăn vôi  
Ăn rở ăn khách ăn lời  
Ăn nhạt ăn cánh ăn chơi ăn dè  
Ăn vật ăn xôi ăn thê  
Ăn ghé ăn chực ăn rê (?) ăn tiền  
Ăn quẩn ăn hiếp ăn kiêng  
Ăn bậy ăn bót ăn riêng ăn phạm...

Thỉnh thoảng tôi có đọc lại những  
dòng thơ này và ước gì tôi có một lũ  
con cháu xung quanh để có thể ngồi đây  
đổ nghĩa của chữ ĂN. Ước gì các con  
em và các cháu ở các trường Việt Ngữ  
hải ngoại có thể tham dự trò chơi của  
thầy cô và có thể cảm nhận tiếng Việt  
mà thầy cô đang truyền đạt. Đây là một  
niềm tin hay chỉ là một hy vọng hão  
huyền, không tưởng?

**THU LÊ** (20 tháng 4 năm 2016)

# HÀ-NỘI: Hoài Niệm Một Thời Chưa Cộng Sản

\*

## TRẦN NHẬT KIM

Chúng tôi quyết định về thăm nhà khi cô em tôi cho hay sức khoẻ không mấy khả quan của mẹ tôi.

Tôi lấy vé đi Hà Nội bằng chuyến bay của hãng Hàng Không Cathay Pacific theo lộ trình: khởi hành từ Thủ đô Hoa Thịnh Đốn (Washington DC) tới phi trường Frankfurt (Đức). Sau một giờ đồng hồ chờ tại phòng đợi của sân bay, chúng tôi bay tiếp tới Hong Kong. Từ Hong Kong chúng tôi đổi chuyến bay đi Hà Nội và sau đó lấy chuyến bay đi Saigon.

\*

Chúng tôi ghé phi trường Hong Kong đã 6 tiếng đồng hồ để chờ chuyến bay đi Hà Nội. Theo thống kê, phi trường Hong Kong là một trong những phi trường bận rộn nhất thế giới, cách 7 phút lại có một chuyến bay cất cánh.

Thành phố này vừa trả lại cho Trung Hoa vào giữa đêm ngày 1 tháng 7 năm 1997, mới cách đây 5 tháng.

Trước thời gian đổi chủ, nhà nước Trung Hoa cộng sản đã đoan chắc vùng đất này sẽ được hưởng quy chế “một quốc gia có hai chế độ hành chính riêng biệt”. Nhưng giờ phút này, người dân Hong Kong vẫn không mấy tin tưởng

vào lời hứa của chế độ mới, mà cách đây không lâu, khu vực này được mệnh danh là một nơi có đời sống lý tưởng nhất. Trục nối Hong Kong – Saigon – Singapore đã mang đến cho những vùng đất này một sự phát triển đặc biệt cả về kinh tế và văn hóa.



Theo tài liệu về Hong Kong, Jorge Allvares, người Bồ Đào Nha đầu tiên đến khu vực Hong Kong năm 1513. Sau đó các thương gia Bồ Đào Nha bắt đầu tới buôn bán ở miền Nam Trung Hoa và xây dựng công sự tại Đồn Môn. Do các cuộc xung đột quân sự giữa Trung Hoa và Bồ Đào Nha, khiến người Bồ Đào Nha bị trục xuất. Năm 1685, vua Khang Hy cho mở cửa giao dịch hạn chế với người ngoại quốc bắt đầu từ Quảng Châu.



Năm 1839, chiến tranh Nha Phiến xảy ra giữa Đại Thanh và Anh quốc. Đảo Hong Kong bị Anh chiếm vào ngày 20-1-1841 và theo thỏa ước Xuyên Tị để thực hiện cuộc ngưng bắn, Trung Hoa đã nhượng Hong Kong cho nước Anh. Đến ngày 29-8-1842, Hong Kong mới chính thức nhượng cho nước Anh theo điều ước Nam Kinh.

Dưới sự cai trị của người Anh, dân số Hong Kong từ 7.450 người Hán vào năm 1841, đã nhanh chóng tăng lên 115.000 người Hán và 8.754 người Âu vào năm 1870. Năm 1898, theo các điều khoản của Hiệp định, nước Anh được quyền thuê đảo Lạn Đầu trong vòng 99 năm. Từ đó lãnh thổ Hong Kong không thay đổi, với diện tích 1.103 Km<sup>2</sup>.

Chiến tranh Thế giới lần thứ II xảy ra. Nhật chiếm Hong Kong ngày 8-12-1941. Các lực lượng bảo hộ của Anh và Canada phải giao quyền kiểm soát Hong Kong cho Nhật vào ngày 25-12-1941. Dưới quyền kiểm soát của Nhật, nạn đói hoành hành vì thiếu lương thực. Sau khi Nhật bại trận năm 1945, dân số Hong Kong chỉ còn 600.000 người.

Sau Thế chiến II, kinh tế Hong Kong phát triển nhanh chóng. Người Trung quốc rời khỏi lục địa xin tị nạn tại Hong Kong để tránh nội chiến đang xảy ra. Sau khi Trung quốc trở thành Cộng hòa Nhân dân Trung hoa vào năm 1949, nhiều người dân lục địa nhập cư Hong Kong vì sợ Trung cộng ngược đãi.

Việc chuyển giao chủ quyền Hong Kong cho Trung quốc được thực hiện vào giữa đêm ngày 1 tháng 7 năm 1997. Khoảng 10% dân số Hong Kong đã di dân tới các quốc gia khác trước ngày trao trả vì không muốn sống dưới chế độ cộng sản.

Sau thời gian đổi chủ, người Hong Kong vẫn quen với nếp sống cũ, do ảnh hưởng sâu đậm của 99 năm trong không khí tự do dân chủ, họ không chịu gò bó dưới sự khắc nghiệt của chế độ cộng sản. Đảng và nhà nước CS Trung hoa phải miễn cưỡng để người dân Hong Kong sống theo ý họ. Vì đây là cửa ngõ kinh tế giao tiếp với các nước trên thế giới. Nó sẽ vực dậy một nước Trung hoa nghèo đói hay sẽ là một ngôi nỏ làm suy sụp chế độ cộng sản của quốc gia này.

Thiên An Môn vẫn là một ám ảnh đe dọa cho nếp sống vốn êm đềm ở đây, mà cách đây không lâu, hàng ngàn người tay cầm nến thấp sáng các con phố, bước âm thầm trong bóng đêm, để tưởng nhớ các tấm gương kiêu hùng đã gục ngã trước làn đạn, dưới lớp xích sắt của đoàn xe thiết giáp tại quảng trường Thiên An Môn ngày nào. Những hành động này chứng tỏ sự quyết tâm cho khát vọng tự do dân chủ, mà cũng là lời cảnh cáo của người dân Hong Kong đối với chế độ cộng sản.

\*

Đến giờ khởi hành, hành khách lần lượt lên tàu...

Tôi yên lòng khi rời Hong Kong trên chiếc máy bay Air Bus trông còn mới của hãng Hàng Không Việt Nam, ít nhiều khác với tâm trạng của tôi khi xa Sài Gòn vào năm 1984, trên chiếc máy bay “TU” sản xuất tại Nga Sô, đường bay Sài Gòn – Bangkok.

Mọi người đã yên vị. Phi cơ rời phi đạo, bay cao mãi, để lại phi trường Hong Kong nhỏ dần như một miệng giếng nằm gọn giữa rừng cao ốc chọc trời đang lặn trong màn sương buổi sáng. Xa xa chân trời vừa ửng hồng, ánh vàng đang đổi màu bóng đêm.

Tôi nghĩ đến thời gian sắp tới, liệu có gì xảy ra cho tôi không. Thân nhân tôi cho hay không có gì phải lo ngại, nhưng những việc xảy ra ở đây, theo những người mới ra đi cho hay, khiến tôi khó yên tâm. Tôi ở miền Bắc gần chục năm từ sau ngày 30 tháng 4 đen tối, đã di chuyển bất kể ngày đêm, từ trại tù này đến trại cải tạo khác, từ vùng Châu thổ sông Hồng đến miền núi rừng Việt Bắc. Vừa chán vừa sợ nên tôi không muốn trở lại những nơi đó nữa.

Nhiều người lên tiếng phản đối nhà nước cộng sản Việt Nam về chính sách hai quốc tịch của người Việt đã nhập quốc tịch của quốc gia khác. Nếu vì lý do nào đó nhà nước CS muốn giữ lại, những người này được coi là người Việt vì quốc tịch gốc vẫn còn. Do đó, dù mang nặng tình cảm quyến luyến gia đình sau nhiều năm xa xứ, những người muốn về thăm quê vẫn ngần ngại, vì luật pháp của chế độ này thay đổi bất chợt.

Đặc biệt hơn nữa, những người có dự phần vào các hoạt động ở hải ngoại, như đòi dân chủ tự do cho người Việt trong nước, được cấp thông hành về thăm quê, nhưng khi đến phi trường Nội Bài của miền bắc hay Tân Sơn Nhất tại miền Nam, một số đã bị giữ lại. Nếu may mắn, sau một đêm ngủ tại khách sạn phi trường, ngày hôm sau bị đưa lên máy bay trở về nước cư trú. Trong trường hợp khác, thời gian ở phi trường sẽ kéo dài cho đến ngày hết hạn, đã gây thiệt hại cho người về thăm quê. Nhà nước cho hay họ thuộc thành phần tham gia các hoạt động gây bất lợi cho chế độ cộng sản.

Nhiều người có nhận xét, nếu biết họ là thành phần gây bất lợi cho chế độ, Tòa Đại sứ tại các quốc gia liên hệ, nên từ chối cấp giấy thông hành, vừa tránh thiệt hại vô lý cho người về thăm quê, mà cũng che dấu được phần nào bản chất vô luật pháp, trống đánh xuôi kèn thổi ngược của chế độ CS Hà Nội.

\*

Trở lại chuyện cũ...

Tôi mừng rỡ khi thoát khỏi phòng cách ly của phi trường Tân Sơn Nhất vào năm 1984. Lòng tôi lâng lâng, cảm thấy không khí bên ngoài thoáng hơn không khí ngột ngạt ở trong kia, như trút bỏ được một phần gánh nặng, như tôi có cảm giác bước ra khỏi cổng trại tù cải tạo, dù rằng vào lúc đó, tôi mang cảm giác vừa thoát khỏi trại tù nhỏ để bước vào một trại tù lớn hơn, một nơi có vợ con tôi đang sống. Tôi đang trốn

chạy khỏi quê hương yêu dấu của tôi để đến một nơi xa lạ, mà mọi người ở đây gọi đó là “Miền đất hứa.” Vợ chồng tôi nắm tay các con tôi theo đoàn người lên tàu. Hành trang của chúng tôi nhẹ tênh. Vì còn có gì để mà mang theo.

Hành khách đã yên vị. Động cơ được khởi động trước khi khởi hành. Tôi mong máy bay cất cánh càng sớm càng tốt, như mang nỗi sợ của cánh chim trên cành cây cong. Tôi hồ thẹn khi có ý nghĩ coi đây là một vùng đất nguy hiểm, đầy đe dọa bất trắc, mà không lâu trước đây, tại vùng đất thân yêu này, tôi đã sống những ngày vô cùng hạnh phúc. Tôi cảm thấy quá ích kỷ, vì trong giây phút chỉ nghĩ tới an nguy của cá nhân mình, mà quên đi số phận hẩm hiu của những người còn ở lại.

Bất chợt từ máy phóng thanh, một âm thanh giọng nữ nghe thật ám diệu: “Xin hành khách có tên Nguyễn Văn Ba đến phòng hải quan có việc cần”. Một người đàn ông trạc tuổi tôi, vẻ mặt ngờ ngác, mang theo túi xách tay bước ra khỏi tàu. Khi máy bay cất cánh vẫn không thấy vị khách ấy trở lại.

Trán tôi đỏ mồ hôi khi nghe máy gọi. Vợ tôi lặng lẽ nắm tay tôi thầm chia sẻ với tôi niềm ưu tư lo lắng. Trước khi đi tôi đã nghe nhiều chuyện như thế này. Những vụ vì không biết phải trái với địa phương, người ra đi bị giữ lại sau khi hoàn tất thủ tục lên tàu.

Về phần tôi, khi từ trại tù cải tạo trở về, tôi luôn sống trong cảnh phập phồng lo sợ. Đám công an khu vực vẫn theo

rõi, quan sát tôi từng bước không kể hàng tháng phải trình diện phường khóm, và hàng tuần phải có mặt tại các buổi họp khu phố để nghe đọc về thành quả cách mạng dưới tài lãnh đạo ưu việt của đảng và nhà nước CS. Tôi nghe đã chán tai, vì đây là những thứ đã được lập lại như một máy thu băng dưới tên “học tập”, nên trong suốt thời gian dài tại các trại tù cải tạo, tôi không có lấy một chữ vào đầu. Tôi phải có mặt các buổi học tập tại quận không ngoài mục đích điếm danh, vì nhân số mỗi ngày một ít do tình trạng vượt biên hay bị bắt trở lại trại tù cải tạo. Tôi có cảm tưởng mình đang sống trong một nhà tù, chỉ khác trại cải tạo ở chỗ tôi được gần gũi gia đình.

Khi có giấy xuất cảnh tôi cũng chẳng được yên thân, vì trước ngày đi sở công an thành phố có gửi “giấy mời làm việc”. Tôi không quên lời người công an nhấn mạnh nhiều lần: “Tôi lưu ý anh sang Mỹ đừng ồn ào. Anh nhớ còn thân nhân ở đây...” Gia đình tôi cả đêm với một ngày lo lắng khi tôi nhận được giấy mời. Tôi hiểu luật pháp bây giờ là thế, quyền sống con người ở đất nước này là thế và ý nghĩa “Tự Do” dưới chế độ này là thế...

\*

Quay sang nhà tôi, nòng tựa sát ghé ngồi, nhắm mắt như cố dỗ giấc ngủ sau thời gian dài vất vả đợi chờ tại phi trường, cũng như lo âu cho thời gian sắp tới.

Tôi lơ đãng nhìn qua khung cửa kính, ngoài trời nắng đã chan hòa, những dải mây trắng ngân như tấm thảm bông bông bồng lớt dưới thân tàu. Tôi chột mím cười, hình ảnh Hà Nội gợi nhớ trong tâm tư của tôi cả một thời tuổi trẻ, ở tuổi khi vừa biết yêu, bị “mê hoặc” bởi vẻ đẹp và giọng nói ngọt lịm của người con gái Bắc Hà. Có người cho rằng, người con gái Hà Nội có vẻ kên kiệu, bệ ngoài trong giao tiếp. Nhưng thực ra, đó chỉ là do ảnh hưởng của giáo dục gia đình về công, dung, ngôn, hạnh đã trở thành một nếp sống. Vì vậy, người con gái Hà Nội dịu dàng nhưng ý tứ, ánh mắt thân mật nhưng không sàm sỡ, tế nhị nhưng không gò bó trong cách giao tiếp hàng ngày.

Nét đẹp đặc biệt ấy của người con gái Hà Nội như được thiên nhiên ưu đãi thêm sắc hương điểm lệ. Nhất là vào mùa Xuân, mưa phùn giăng kín bầu trời như làn lụa mỏng đã tạo cho Hà Nội không khí ấm cúng, gần gũi và điểm tô cho người con gái Hà Nội nét óng ả vui tươi. Mưa nhẹ như những hạt bông bám trên mái tóc mây óng ả, vương trên bờ vai thon nhỏ, lấn dài trên các tà áo màu...Mưa không thấm ướt đôi má, không làm hoen màu son trên môi, chỉ lấp lánh trên rèm mi như những hạt châu muôn sắc.

Tôi không biết danh từ mưa phùn có từ bao giờ, diễn tả động tác nào, hay đó chỉ là những hạt nước nhỏ li ti, đan quện vào nhau tạo thành một tấm màn mỏng như khói sương buổi sớm, phủ mờ Tháp Rùa và những tàng cây xung quanh,

hồ, tạo thành một bức tranh thủy mặc thiên nhiên mờ ảo. Vừa mang nét cổ kính, vừa đượm vẻ thơ mộng hữu tình.

Mưa phùn đẹp thật, nhất là mưa phùn trên thành phố Hà Nội. Những hạt mưa bé nhỏ mỏng manh đã làm xanh các chồi nhánh, làm mơn mớn các cánh hoa đào, làm lòng người thêm phần khởi vào dịp Xuân về.

Người Hà Nội tự hào về nét thanh lịch trong nếp sống, qua lời ăn tiếng nói với ngôn ngữ chính xác, mẫu mực, không quen dùng danh từ thô tục. Luôn nhún mình, mềm mỏng mà không khoe khoang, biết tôn trọng mọi người.

Dù sau nhiều thăng trầm biến đổi, dù dưới bất cứ hoàn cảnh nào, người Hà Nội vẫn giữ được nét hào hoa phong nhã. Điểm đặc biệt này được ca ngợi qua ca dao:

“Chẳng thơm cũng thể hoa nhài,  
Dẫu chưa thanh lịch cũng người Tràng An.”

Hà Nội có nhiều di tích cổ xưa. Theo truyền thuyết, năm 1009, khi Thái Tổ Lý Công Uẩn đi ngang qua thành Đại La, thấy nơi chân thành có một đám mây hình con rồng bay lên, Vua cho là điềm báo tốt nên đã dời đô về Đại La và cho đổi tên là thành Thăng Long vào năm 1010.

Vào đời nhà Trần, Thăng Long vẫn được tiếp tục mở rộng và phát triển. Đến đời nhà Nguyễn, Vua Minh Mạng thứ 13 cho thành lập Tỉnh Hà Nội vào năm 1931. Tỉnh Hà Nội gồm 4 phủ: Hoài Đức, Ứng Hòa, Lý Nhân và Thường Tín. Tỉnh lỵ là thành Thăng

Long cũ. Ngày 1-10-1888, Vua Đồng Khánh ra đạo dụ nhượng cho Pháp thành phố Hà Nội. Sau Hiệp Ước Patenotre, Tổng Thống Pháp, Sadi Carnot, ra sắc lệnh thành lập thành phố Hà Nội. Năm 1902 Hà Nội là Thủ phủ của Liên Bang Đông Dương (Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ, Lào và Mên).

Hà Nội nằm dọc theo hữu ngạn sông Hồng, còn gọi là Nhị Hà, vì trước khi tới Hà Nội sông Hồng tách ra một nhánh nhỏ chảy tới tỉnh Hải Dương mang tên sông Đuống. Từ đây, Hà Nội ngày một mở mang, trong đó phải kể tới khu “phố Cổ Hà Nội”, xây dựng từ cuối thế kỷ XIX sang nửa thế kỷ XX. Hà Nội trở lên sầm uất hơn, trung tâm thành phố được mở rộng. Các ao, hồ, đầm dần dần bị lấp kín để phát triển thành phố, hầu đáp ứng dân số ngày một gia tăng.

“Hà Nội ba mươi sáu phố phường” là biểu tượng của khu phố Cổ, được giới hạn về phía Bắc bởi đường Hàng Đậu, phía Tây là đường Phùng Hưng, phía Đông là đường Trần Nhật Duật và đường Trần Quang Khải, phía Nam là đường Hàng Bông, Hàng Gai, Cầu Gỗ và Hàng Thùng. Khi xưa, “khu vực 36 phố phường” có nhiều ao hồ. Khu này được bao bọc bởi sông Tô Lịch ở phía Bắc, sông Hồng ở phía Đông và Hồ Hoàn Kiếm ở phía Nam. Vào thế kỷ XV, khu Kinh Thành Thăng Long gọi là Phủ Trung Đô gồm 2 huyện với tổng số 36 phường.

Theo sử cũ, vào thời Nhà Lê, Thăng Long còn gọi là Phủ Phụng Thiên gồm hai huyện Vĩnh Xương (sau đổi ra Thọ Xương) và Quảng Đức (sau đổi ra Vĩnh Thuận). Mỗi huyện có 18 Phường. Phường là tổ chức theo nghề nghiệp, chỉ dùng riêng cho kinh thành Thăng Long, tương đương với Xã của nông thôn.

“Phố” khác với Phường. Phường là một khu vực hành chính, còn Phố là một chỗ bán hàng, nơi bày hàng, (cũng có nghĩa là cửa hàng cửa hiệu), nằm sát nhau thành một dãy.

“Hàng” chỉ là tên gọi của các cửa hiệu bày bán một mặt hàng giống nhau nằm sát nhau trong một khu phố (Hàng đào, Hàng đường...) Sau bao nhiêu thay đổi, có nhiều phố nguyên là tên Hàng đã mang tên mới như: Hàng Cỏ đổi thành phố Trần Hưng Đạo, Hàng Dẫy là Nguyễn Thái Học...

Sau khi Pháp chiếm Hà Nội, khu Phố Cổ có nhiều thay đổi, các con đường được chỉnh trang, có hệ thống thoát nước, nhà cửa hai bên đường được xây gạch, lợp ngói. Mở mang các khu buôn bán như chợ Đồng Xuân... Kể từ năm 1945 đến 1985, nhiều gia đình từ chiến khu trở về được cư ngụ tại Phố Cổ. Mỗi căn nhà có hai, ba gia đình. Nhân số trong mỗi gia đình cũng tăng, khiến Phố Cổ ngày càng đông. Kể từ năm 1960 đến 1983, khu Phố Cổ vốn là nơi buôn bán sầm uất trước kia, đã trở thành khu dân cư thuộc các gia đình cán bộ.

Như vậy, chỉ “Kinh Thành Thăng Long” thời Nhà Lê mới có 36 Phường.

Còn “Hà Nội 36 Phố Phường” mà chúng ta gọi hiện tại chỉ là một danh xưng không có trong thực tế.

Trong tác phẩm “Việt Nam thi văn học tuyển” của ông Dương Quảng Hàm có ghi những câu ca dao về 36 phố ở Hà Nội: Rủ nhau chơi khắp Long thành Ba mươi sáu phố rành rành chẳng sai:

*Hàng Bồ, hàng Bạc, hàng Gai,  
Hàng Buồm, hàng Thiếc, hàng Bài,  
hàng Khay,  
Mã Vĩ, hàng Điếu, hàng Giấy  
Hàng Lò, hàng Cốt, hàng Mây, hàng Đàn,  
Phố Mối, Phúc Kiến, hàng Ngang,  
Hàng Mã, hàng Mắm, hàng Than,  
hàng Đồng,  
Hàng Muối, hàng Nón, cầu Đông,  
Hàng Hòm, hàng Đậu, hàng Bông, hàng Bè,  
Hàng Thùng, hàng Bát, hàng Tre,  
Hàng Vôi, hàng Giấy, hàng The, hàng Gà,  
Quanh đi đến phố hàng Da,  
Trái xem hàng phố, thật là cũng xinh.  
Phồn hoa thứ nhất Long thành,  
Phố giăng mắc cửi, đường quanh bàn cờ.  
Người về nhớ cảnh ngân nga,  
Bút hoa xin chép văn thơ lưu truyền.*

Những Đền đài Lãng miếu có từ thời dựng nước, khiến hình ảnh của Hà Nội đã đậm nét trong tâm tư mỗi người, nhất là Hồ Hoàn Kiếm với Tháp Rùa. Về địa lý, Hồ Hoàn Kiếm nằm theo hướng Bắc Nam, song song với sông Hồng và cách sông Hồng gần một cây

số. Theo sử lược, tên gọi Hoàn Kiếm xuất hiện từ Thế kỷ 15 với truyền thuyết Vua Lê Thái Tổ trả lại gươm báu cho Rùa thần. Theo bản đồ thời Hồng Đức, Hồ Hoàn Kiếm là một phân lưu của sông Hồng chảy qua vị trí các phố Hàng Đào, Hai Bà Trưng, Lý Thường Kiệt, Hàng Chuối trước khi chảy vào nhánh chính của sông Hồng.

Đến thời Lê Trung Hưng, Thế kỷ 16, Chúa Trịnh cho chỉnh trang Hoàng thành Thăng Long. Chúa Trịnh cho ngăn hồ lớn thành hồ Tả Vọng và Hữu Vọng dùng làm nơi duyệt quân thủy chiến. Đến đời Tự Đức (1847-1883), hồ Hữu Vọng được gọi là hồ Thủy quân, còn hồ Hữu Vọng là hồ Hoàn Kiếm. Năm 1884, chính quyền Bảo Hộ Pháp cho lấp hồ Thủy quân để mở mang Hà Nội.

Ngoài Tháp Rùa nằm ở trung tâm của hồ Hoàn Kiếm, được xây dựng vào khoảng giữa năm 1884 đến tháng 6-1886, còn có các di tích khác bao quanh hồ như:



Cho đến cuối thập niên 1980, phố cổ còn được giữ gần như nguyên vẹn

Đền Ngọc Sơn và Cầu Thê Húc (1) nằm về phía Bắc, do nhà từ thiện tên Tín Trai lập ra nằm trên nền cung Thụy Khánh. Đền Ngọc Sơn có tên là Tượng Nhĩ, sau đó vua Lý Thái Tổ đặt tên là Ngọc Tượng. Đền Ngọc Sơn thờ thần Văn Xương, hiện thân của văn chương, khoa cử. Đền cũng thờ Đức Thánh Trần Hưng Đạo, vị anh hùng của dân tộc.



Ngoài Đền Ngọc Sơn còn có nhiều nơi mang dấu ấn lịch sử, trong đó phải kể là Cầu Thê Húc xây dựng năm 1865, mang ý nghĩa “một nơi chan hòa ánh sáng mặt trời buổi sáng”. Kế đến là “Tháp Bút” gồm 5 tầng xây dựng vào năm 1865, nằm về hướng Đông Bắc của hồ. Trên đỉnh tượng trưng cho một ngòi bút hướng lên trời. Phần thân tháp có khắc 3 chữ “Tả Thanh Thiên” (viết lên trời xanh). Tầng thứ ba có khắc bài “Tháp Bút Chí”. Gần Tháp Bút có “Đài Nghiên” cũng được xây dựng cùng thời với Tháp Bút. Ba chân kê Nghiên là hình tượng ba con cóc. Trên thân

Nghiên có khắc một bài “Minh”, gồm 64 chữ Hán.

Trên bờ phía Đông của hồ có “Tháp Hòa Phong”, là di vật còn lại của chùa “Báo Ân” (Chùa bị phá bỏ vào năm 1898). Tháp gồm ba tầng, các cửa hướng về bốn phía Đông, Tây, Nam, Bắc. Mỗi cửa đều có ghi: Báo Đức môn, Báo Ân môn, Hòa Phong tháp và Báo Thiên tháp. Tầng tháp dưới đáy cao và lớn hơn hai tầng trên. Bốn mặt của tầng thứ hai có hình Bát quái. Tầng ngọn Tháp có chữ “Hòa Phong Tháp.”

Trên bờ phía Đông Bắc của hồ có Đền Bà Kiệu xây dựng từ thời Lê Trung Hưng. Do việc mở đường nên Đền chia làm hai: Tam quan ở sát bờ hồ, còn Đền nằm phía bên kia con đường. Đền Bà Kiệu thờ ba vị nữ thần: Liễu Hạnh Công Chúa, Đệ Nhị Ngọc Nữ và Đệ Tam Ngọc Nữ.



Cổng đền Ngọc Sơn: trán cổng ghi ba chữ “Đắc nguyệt lâu” 得月樓 tức là lầu (hứng) được (ánh) trăng

(Còn tiếp một kỳ)

# PHƯỢNG

(Tiếp theo số báo trước)

Mấy đêm sau, Phượng lại nghe thấy tiếng đàn và sáng dậy lại thấy đôi dép đã đổi chỗ từ cuối giường lên đầu giường. Một lần khác, Phượng nghe như có tiếng đi rón rén ngoài hành lang và trên mái nhà.

Các anh chị Phượng cũng kể lại những sự việc đó với một giọng thần nhiên, không ai tỏ ra sợ hãi. Dần dần mọi người không còn để ý đến chuyện ma nữa, cho đến một hôm cách đó có đến năm hay sáu tháng sau.

Một buổi sáng thức dậy, mẹ Phượng mở cửa trước ra nhìn rồi lo sợ tái mặt đi, chạy vào gọi cả nhà:

- Ra mà coi kia.

Mọi người theo ra nhìn và thấy một dãy nồi niêu úp trên sân gạch ngay trước cửa chính. Đó là những nồi niêu thường để ở tầng dưới cùng trong trạn gỗ dưới bếp. Không biết làm sao mà những nồi niêu đó bây giờ lại úp cả ở trên sân gạch này.

Sau một hồi bàn tán, chẳng ai biết làm gì hơn là cùng nhau ra mang những nồi niêu kia xuống bếp để vào chỗ cũ.

Liên tiếp ba ngày liền cứ như thế. Nồi niêu ở trong bếp như có chân bò lên nằm ngay trước cửa chính. Với con Vện và con Mực cả đêm chạy sục sạo chung quanh nhà, nhất là những đêm sáng

trắng như mấy đêm vừa rồi, không một người lạ nào có thể vào đây để làm những chuyện kỳ quặc đó mà không bị hai con chó cắn nát xương, hay ít nhất cũng sủa vang cả xóm. Nhưng cả nhà Phượng không ai nghe thấy một tiếng chó sủa nào suốt ba đêm qua.

Đến ngày thứ tư, bố Phượng bàn:

- Hay là đêm nay mình chia nhau thức để canh chừng. Cứ đứng trong nhà nhìn qua khe cửa ra xem thì biết.

Phượng và Bà Nội không được giao công tác canh chừng đó nên hai bà cháu đi ngủ như thường lệ.

Phượng đang say sưa trong giấc nồng thì tỉnh dậy khi nghe có tiếng chị cả thì thầm gọi Bà Nội:

- Nội ơi, dậy mà coi.

Nhờ ánh sáng trăng lọt qua những khe cửa vào, Phượng thấy Bà Nội ra khỏi giường và đi theo chị Cả về phía cửa trước. Phượng cũng đi theo ra.

Ghé mắt sát vào khe cửa, Phượng thấy hai bóng đen từ bếp đi lên. Hai bóng đen, không phải là bóng người, đầu đội một chiếc nồi, thông thả tiến về phía cửa chính. Nhìn kỹ nữa, Phượng nhận ra hai bóng đen đó là con Vện và con Mực.

Hai con chó đứng thẳng mình lên, chỉ đi bằng hai chân sau, còn hai chân trước thì buông xuôi ở trước ngực. Trên đầu mỗi con đội một cái nồi. Hai con chó đi thật thông thả, dò từng bước một. Con Vện đi trước; con Mực theo sau. Đến cạnh sân, gằn bực thêm cửa chính, con Vện nhẹ nhàng bỏ hai chân trước xuống,



rồi cũng nhẹ nhàng để cái nôi úp xuống sân. Con Mực bắt chước theo y hệt.

Sau đó hai con chó nhảy cẫng lên và chạy vòng ra bờ ao như thể mừng rỡ về việc làm của chúng. Một lúc sau, Phượng lại thấy hai con chó đi vào bếp. Nhưng có lẽ nôi niêu đã mang ra hết rồi, nên hai con chạy vòng ra sau vườn nô nghịch với nhau.

Ngày hôm sau Phượng nghe thấy Mẹ nói với Bố, nhưng cũng là nói với cả nhà:

- Hai con chó lâu ngày đã thành tinh quái rồi. Mình phải tìm người bán đi thôi.

Phượng rưng rờ chân tay, chỉ nói được một câu:

- Mẹ ơi! Đừng bán.

Rồi cổ nghẹn lại, nước mắt chảy ra tràn trụa. Cảnh con chó Vàng bị làm thịt hai năm trước lại hiện lên rõ ràng trước mắt Phượng.

Bà Nội như hiểu ý cháu, nói tiếp:

- Hai con chó mình nuôi trong nhà đã mấy năm nay, thân thiết như con cháu mình. Đem bán rồi lỡ người ta làm thịt thì mình mang tội. Chó nó khôn, nghịch ngợm như trẻ con đấy thôi, chứ có ma quái gì đâu. Tối nay mình đem nôi niêu để hết lên nóc chạn, chó không với tới được là hết nghịch ngợm.

Nghe Bà Nội nói có lý, cả nhà làm theo và quả nhiên từ đó trở đi nôi niêu không còn bị mang ra bày trước sân nữa.

Vừa lúc mọi người gần quên đi chuyện tính quái của con Vện và con Mực thì một chuyện khác lại xảy ra ở nhà bên cạnh.

## TA THẤY EM..

*Ta thấy em về trong dáng hoa  
Ta mơ em đến ánh trăng ngà  
Có lần gặp em không điểm hẹn  
Có nghĩa là... hương thấp thoáng xa..*

## NƯỚC MẮT EM..

*Nước mắt em lùa mây chìm ngọn sóng  
Ánh nắng tàn rớt hạt bụi hư không  
Môi em khô như mùa đông ráo lệ  
Con đường tình dài mãi biệt ngàn thông...*

VA, Noel 2015  
tặng P.Th

## BÙI THANH TIÊN

Buổi chiều hôm ấy Phượng đang đứng thờ thần sau nhà thì thấy đứa con trai nhà bên cạnh, cũng cỡ mười hai tuổi như Phượng trèo lên cây măng cầu ở cuối vườn phá tổ chim. Nó bắt được một con chim non còn đỏ hoản bỏ vào túi mang xuống.

Vừa lúc đó cặp chim bố mẹ về tới nơi. Đó là một cặp chim sáo đen. Thấy tổ bị phá và con bị bắt, hai con sáo vừa bay chao xuống đầu thặng nhỏ, vừa thốt ra những tiếng kêu giận dữ, ai oán. Thặng nhỏ vội chạy biến vào trong nhà.

Ngoài cửa hai con sáo đen vẫn bay chao qua, chao lại và vẫn kêu ai oán cho đến tối khuya mới yên. Nghe tiếng hai

con chim sáo kêu nã nuột, Phượng chảy nước mắt thương hại. Nhưng cũng như đối với con chó Vàng bị làm thịt hai năm về trước, Phượng cảm thấy hoàn toàn bất lực, không thể làm gì được. Phượng thầm ước ao Phượng có thể cầm một cây gậy lớn và đánh chết thằng nhỏ để cứu con chim con.

Sáng sớm hôm sau, vừa tỉnh dậy, Phượng đã nghe thấy tiếng kêu nã nùng của hai con sáo. Một lúc sau, tiếng kêu đó càng đồ hồi giận dữ, nã nùng hơn. Phượng nhìn sang nhà bên cạnh thì thấy thằng nhỏ đã mang cái lồng tre trong có đựng con chim con treo ra hiên ngoài.

Thấy con, đôi chim sáo đen gào thét lên, bay chao xuống. Có lúc cặp chim sáo đen bám ngay vào thành lồng và thò mỏ vào mớm đồ ăn cho con. Mỗi lần thấy thằng nhỏ ra ngoài là cặp chim sáo lại gào thét lên và chao xuống như muốn mổ vào đầu, vào cổ nó. Thằng nhỏ sợ hãi cứ phải giơ hai tay lên chống đỡ.

Sáng sớm hôm sau, cũng cái cảnh đó diễn lại. Phượng đang mê mải xem cặp chim sáo bám vào lồng mớm mồi cho con, bỗng Phượng thấy cặp chim sáo bay vụt lên, kêu náo loạn.

Một con mèo khoang vừa xuất hiện ở trên bờ tường gần chỗ cái lồng. Con mèo ngấm nghĩa, lấy đà, rồi nhảy vọt lên, bám được hai chân trước vào lồng. Cái lồng chao mạnh đi, và tuột khỏi cái móc, rơi xuống đất, cửa lồng bung ra.

Nhanh như cắt, con mèo lao tới, cho chân vào cào con chim con ra, và cắn cổ

tha vào trong góc hiên ăn thịt. Hai con sáo kêu lên những tiếng ai oán thảm thiết.

Ngày hôm sau, Phượng thấy hai con sáo ủ rũ đậu trên cành cây trước cửa nhà bên cạnh. Cả hai con như tê cứng, không động đậy. Chỉ những lúc thấy thằng nhỏ hay con mèo xuất hiện, hai con sáo mới thốt ra những tiếng kêu ai oán giận dữ, rồi chao xuống như muốn xé xác, ăn tươi thằng nhỏ và con mèo. Vài hôm sau, Phượng không thấy hai con sáo đâu nữa.

Một hôm đi học về, Phượng nghe có tiếng khóc ồn ào ở nhà thằng nhỏ bên cạnh. Bà Nội nói cho Phượng biết thằng nhỏ đã chết. Nó tìm thấy một tổ chim khác và trèo lên phá. Không ngờ hai con chim sáo kia vẫn quanh quẩn đầu đó, nhào đến mổ nó. Thằng nhỏ hoảng sợ, luýnh quýnh thế nào, rồi tuột tay té xuống đất. Người nhà đưa đi nhà thương cấp cứu, nhưng nó bị gãy cổ, bác sĩ không làm gì được. Nghe Bà Nội nói, Phượng rùng mình, tái mặt đi. Đúng là hai con chim sáo đã trả thù cho con. Bà Nội cũng nghĩ thế.

Và rồi cả xóm cũng nghĩ thế khi chỉ một ngày sau con mèo khoang lại bị xe cán chết. Nó đang băng qua đường đuổi theo một con mèo cái thì cặp chim sáo ở đâu sà xuống như muốn mổ nó. Con mèo mãi quay đầu lên chống trả với cặp chim sáo, không kịp tránh cái xe hơi vừa lao tới và bị cán nát xác.

Cũng ngày hôm đó, Phượng thấy trên trang nhất báo *Tự Do* có đăng tin:

*“Đêm qua một người đàn ông đã giết năm đứa con từ một tuổi đến tám tuổi bằng cách đợi cho các con ngủ say, rồi lần lượt ẵm từng đứa ra sân sau, dốc đầu vào chum nước, nhận cho chết.”*

Phượng không thể không so sánh người đàn ông tàn ác đó với hai con chim sáo đen, liệu mình cứu con và trả thù cho con.

\*\*\*

Những chuyện đó đã xảy ra hơn ba mươi năm trước. Cô nữ sinh bé bỏng tên Phượng bây giờ đã trở thành một giáo sư vật lý không gian tại một đại học nổi tiếng ở Hoa Kỳ. Năm tháng đã qua đi, nhưng giáo sư Phượng vẫn nhớ những chuyện đó rõ ràng như mới xảy ra ngày hôm qua.

Giáo sư Phượng đã khám phá nhiều bí hiểm về thế giới vật chất. Với ống kính viễn vọng điện tử, giáo sư đã nhìn sâu vào vũ trụ cả ngàn năm ánh sáng, tìm thấy những thiên thể mà từ trước đến giờ chưa ai nhìn thấy. Hàng ngày, trước những con mắt thán phục của sinh viên, giáo sư đã giảng giải những lý thuyết rắc rối nhất về việc thành hình của vũ trụ.

Nhưng giáo sư Phượng vẫn chưa tìm thấy câu trả lời cho những thắc mắc của cô bé tên Phượng hơn ba mươi năm về trước: Có ma không? Người ta có linh hồn không? Loài vật có linh hồn không? Giáo sư cũng chưa có một nhận thức rõ ràng linh hồn là gì. Đối với thế giới siêu hình của linh hồn, giáo sư vẫn

chỉ là cô bé tên Phượng mười hai tuổi, không hơn, không kém.

Giáo sư Phượng cũng thường về thăm Bà Nội. Bà cụ đã hơn chín mươi tuổi, nhưng vẫn còn minh mẫn.

Mỗi lần bà cháu gặp nhau là lại có dịp ôn lại những chuyện ngày xưa. Giáo sư Phượng biết chắc chắn Bà Nội học không hết lớp Năm; nhưng sao giáo sư có cảm tưởng rằng Bà Nội hiểu biết nhiều hơn mình về linh hồn, về thế giới siêu hình.

Giáo sư Phượng nhớ lại câu nói với Bà Nội hơn ba mươi năm về trước: *“Có người có linh hồn; có người không có linh hồn. Còn chó thì có linh hồn”*. Giáo sư Phượng mỉm cười một mình với câu nói ngây thơ đó, nhất là với cái định nghĩa thô kệch của bé Phượng về linh hồn. Giáo sư nhớ lại chuyện đôi chim sáo thương sót con, liệu mình cứu con và trả thù cho con. Giáo sư bỗng liên tưởng đến một chuyện vừa được báo chí Hoa Kỳ đăng tải:

*“Bà Susan Greene đã thú nhận với cảnh sát là chính bà giết hai đứa con trai ba tuổi và một tuổi bằng cách để chúng ngồi vào ghế sau xe hơi rồi cho xe lăn xuống hồ.”*

Giáo sư Phượng vô tình so sánh người mẹ đó với đôi chim sáo và nói một mình:

- Chim sáo có linh hồn; còn người mẹ kia thì không.

**PHẠM HỮU BÌNH**

# MỘT THOÁNG HƯƠNG ĐÊM

Kim-Vũ

Đêm đã khuya lắm. Có lẽ cũng đến khoảng hai giờ sáng rồi chứ không sớm hơn. Tích vừa thức dậy sau một giấc ngủ ngon và đầy. Hồi chiều, sau bữa cơm, điện đột nhiên tắt trong khi chàng đang đọc cuốn “Chuông Nguyện Hồn Ai” của Hemingway, và chàng đã thiếp đi lúc nào không hay. Có những hôm, chàng ngủ thật khó khăn, nhưng cũng có những ngày khác, giấc ngủ đến với chàng thật êm nhẹ, và chàng nghĩ, thật là sung sướng nếu ta vẫn còn có thể có được những giấc ngủ êm đềm. Giấc ngủ không ác mộng là một nguồn hạnh phúc lớn, và không phải ai cũng có thể luôn có những giấc ngủ như thế, dù người ta chẳng hề làm cái gì có thể gây ra những ám ảnh đi chăng nữa. Chúng stress thời đại không từ một người nào.

Ít lâu nay, Tích cố tạo cho mình những thói quen tốt. Tập thể thao buổi sáng, bớt uống rượu, hút thuốc, ăn rau dưa nhiều, đọc sách vừa phải để khỏi căng đầu đến độ cần điều thuốc lá cho dẫn bớt thần kinh. Và bạn bè vui chơi trong mức độ phải chăng để giữ mối giao hoà cùng cuộc sống. Một phương thuốc chỉ giản dị có thế, nhưng hình như mang lại kết quả không ngờ. Ít ra là chàng cũng cảm thấy như vậy.

Chàng vừa hút xong một điều thuốc lá rẻ tiền. Chàng đã có thể không làm như vậy nhưng vẫn cứ làm, để xem nó ngon đến chừng nào. Không ngon. Lại hơi làm cho đầu căng. Một dấu hiệu tốt. Cứ như thế này, có lẽ chàng có thể tiếp tục giữ được mức hút thuốc ở chừng mực thấp như trong ít lâu nay.

Trời đêm nhẹ nhàng, tĩnh mịch. Không có trăng. Hôm nay đã vào hạ tuần tháng bảy ta. Mấy hôm rồi mưa nhiều, chàng hơi bị cảm cúm, và khi đi ngủ, chàng đã phải mặc thêm áo lót phòng lạnh. Vào giấc sáng sớm, trời chuyên lạnh hơn mọi thời điểm trong ngày, và nhiều khi chàng phải dùng đến tấm chăn mỏng đắp lên người mới tiếp tục ngủ ngon.

Bây giờ mới khoảng hai giờ sáng. Vẫn còn sớm. Chàng đã phải bỏ cái áo lót ra khi ngồi vào bàn viết, mới đủ cảm thấy cái lạnh nhẹ nhàng lan thấm vào da thịt. Lại một dấu hiệu tốt. Chứng tỏ sức khoẻ chàng chưa đến nỗi tồi tệ đi.

Cuộc sống tiếp diễn được như thế này, chàng tưởng rằng chẳng thể mong mỏi gì nhiều hơn nữa. Vẫn cảm thấy từng ngày qua đi mà không phí phạm. Dù rằng hồi sau này chàng cũng chưa làm được gì nhiều để có thể gọi là đã tận dụng tiềm năng của mình. Chàng thấy rằng chàng bình tĩnh lạ thường, tự tin lạ thường.

## **Đóa Hoa Lòng**

*Hoa tình thương nở trong lòng  
Vẫn còn tha thiết theo dòng đời trôi  
Quê nhà giờ quá xa xôi  
Đồng xanh hương mạ bồi hồi luyến thương  
Đòng đòng trĩu ngọn tinh sương  
Nớ mùi lúa chín gió vương tóc dài  
Đêm trăng vọng tiếng hò ai  
Vần công đập lúa gái trai ước nguyện  
Cau trầu sinh lễ nên duyên  
Bên nhau đắm thắm cần chuyên dịu hiền  
An lành hạnh phúc triển miên  
Con ngoan mái ấm ven miền Hậu Giang  
Loạn ly chinh chiến về làng  
Gia đình chia cách hai hàng lệ rơi  
Con đò tách bến chơi vơi  
Mái tranh thâm lặng bên trời chênh vênh  
Lối mòn chân bước nhẹ tênh  
Lá khuya xào xạc mông mênh nỗi buồn  
Ước mong nước lại về nguồn  
Cung đàn hòa nhịp tràn tuôn vui mừng*

**Đỗ thị Minh Giang**

Làm rất ít mà không bao giờ nghĩ rằng mình đang phí phạm thời gian vàng ngọc. Chàng có đang tự mãn quá chăng? Mà ngay cả những dự định có thể gọi là lớn, chàng cũng chẳng có lấy một ý niệm nào. Tất cả còn đang ở

trong dạng tiềm tàng. Chàng còn đang ở trong giai đoạn tích lũy vốn sống. Và chàng đã có cơ hội để hiểu ra rằng, không cần phải lúc nào cũng bận tâm lo lắng là mình đang tích lũy cái gì, cho công việc gì. Tích lũy vốn sống, cho cuộc sống, thế thôi. Để sống cho đúng hơn, đẹp hơn. Những toan tính căn cơ, chàng cho là biểu thị một tinh thần ấu trĩ, cơ hội, rồi ra cũng chẳng đưa đến cái gì đáng kể. Cứ sống cho đây, cho tự nhiên. Rồi ra cái gì tới sẽ tới. Goethe nói đã bỏ ra bốn mươi năm để viết Faust”, nhưng chàng chắc chắn trước khi ông ngồi xuống bàn viết bắt đầu tác phẩm, những tư tưởng tình cảm của ông cũng chỉ ờ dạng mang mang mà thôi. Đó là bản thể của thế giới sáng tạo, bản thể của cuộc đời. Chỉ khi nào có một hiện tượng như là “đột biến gen”, thì như là một tia lửa đốt cháy cánh đồng, tất cả mới tụ họp lại, và một tác phẩm ra đời, có thể chỉ cần batháng, có khi ít hơn không chừng. Nguyễn Du khi viết “Kiều” chắc cũng thế. Van Gogh cũng đã có ngày vẽ được cả chục bức tranh. Newton không phải chỉ nhìn quả táo rơi một lần mà tìm ra luật vạn vật hấp dẫn. Có một cái gì tương tự như sự “đón ngộ” trong Thiên.

Dù sao thì lúc này Tích cũng không mấy bận tâm về chuyện mình có thể làm được cái gì. Một con người có định mệnh. Một tác phẩm cũng có định mệnh. Một dân tộc cũng vậy. Cái mà ngôn từ thời thượng gọi là “tất yếu lịch sử”, mặc dù nó bí nhiệm và kỳ ảo gấp

vạn lần ý thức con người. Khi tất cả những điều kiện đã chín muồi, một cái gì mới đột nhiên xuất hiện, do một người nào đó, một tập thể nào đó, như một phép lạ. Chẳng việc gì mà rối lên. Như trong đêm nay, hãy thưởng thức cái không khí tuyệt vời của một đêm yên tĩnh đã. Có tiếng gà gáy xa xa, và cả những tiếng động rõ ràng của vài xe cộ không động cơ nữa. Trời Sài Gòn về đêm sao tuyệt diệu lạ lùng. Như một miền quê êm đềm không chiến tranh. Sau những tháng năm dài trong bom đạn, đất nước chàng giờ đây đã lại hoà bình. Còn có thể đòi hỏi gì hơn nữa? Dĩ nhiên cuộc sống còn vô số vấn đề. Chuyện cơm ăn áo mặc, nhà ở, việc làm cho một số dân không dưới bảy chục triệu người không bao giờ là một vấn đề đơn giản. Và những chuyện hà hiếp bức bách, tủi nhục oan khiên không phải là ít.

Thế nhưng chàng tin ở dân tộc mình, một dân tộc có truyền thống, có sinh lực, thông minh và nhạy bén, luôn luôn hướng tới tương lai. Và đang trên đà hồi phục.

Chàng sẽ đóng góp vào công cuộc xây dựng mới đó, bằng cách nào, qua con đường nào, chàng chưa thể rõ. Tất cả còn đang mang mang, đang trong quá trình quy tụ. Nhưng chàng cảm thấy trong chàng, nguồn sinh lực cũng dồi dào như trong dân tộc chàng, sung mãn nhưng không sôi sục, khoẻ mạnh nhưng không non xanh.

“Em ơi anh vui quá em có biết không? Anh hạnh phúc quá em có biết không? Anh diễm phúc quá em có biết không? Bởi vì lúc nào, ở đâu, anh cũng có em để mà chia sẻ những ước mơ. Mà những ước mơ của anh mới tươi đẹp làm sao, mới rực rỡ làm sao, mới sáng sủa làm sao! Hạnh phúc thay là người lúc nào cũng có tri kỷ kề bên, như máu chảy trong tim, như không khí để thở, như dòng nước mát đầu nguồn.”

“Anh vừa đọc xong một chương về tình yêu của Hemingway. Và anh ngạc nhiên hết sức. Hemingway cũng có thể viết về tình yêu đây! Và rất tuyệt vời nữa chứ! Nghe đây em:”

“... Em yêu anh, ôi em yêu anh lắm. Anh để tay lên đầu em đi..” Cô gái nói, mặt ngoảnh về phía khác và vẫn úp vào gối. Anh để tay lên đầu cô vuốt ve và bỗng dung cô gái không úp mặt vào gối nữa. Cô nằm lọt trong tay anh, ôm chặt lấy anh, áp mặt vào mặt anh và khóc.

Anh ôm chặt lấy cô, cảm thấy cả chiều dài thân hình non trẻ của người con gái. Anh vuốt đầu cô, hôn lên đôi mắt ướt đầm nước mắt mặn mặn và trong lúc cô khóc, anh cảm thấy đôi vú tròn và cứng chạm vào người anh qua làn áo cô mặc.

- Em không biết hôn, cô nói. Em không biết hôn thế nào cả.

- Không cần phải làm gì cả. Cứ thế này là đủ rồi. Nhưng em mặc nhiều áo quá đấy!

- Em phải làm gì?

- Để anh giúp.

- Như thế tốt hơn ư?

- Ừ, tốt hơn nhiều lắm. Em không thấy thế dễ chịu hơn ư?

- Có. Dễ chịu hơn nhiều lắm. Thế em sẽ đi với anh như chị Pila nói chứ?

- Nhưng không đi về một nhà nào đâu. Đi với anh cơ.

- Không. Em sẽ về một cái nhà.

- Không. Không. Không. Đi với anh và em sẽ là vợ anh.

Hai người nằm trong túi chăn. Những gì trước kia còn che đậy thì lúc này không còn che đậy nữa. Những gì trước đây là vải thô cứng thì lúc này chỉ còn là một sự dịu dàng tròn trĩnh ép chặt, một cảm giác mát dịu ấm áp, dài, nhẹ nhàng gắn chặt vào nhau, ghì chặt lấy nhau, đơn độc, trống rỗng với những đường cong, cảm giác sung sướng, trẻ trung và yêu đương, và lúc này tất cả sự dịu dàng nóng hôi với một cảm giác trống rỗng đau nhói ở ngực, một cảm giác cô đơn mà siết chặt đến nỗi Jordan cảm thấy anh không chịu đựng nổi nữa, anh hỏi: "Em đã yêu ai chưa?"

- Chưa bao giờ..."

Sung sướng làm sao, anh đã đọc trang văn đầu tiên về tình yêu của Hemingway vào cái tuổi muộn màng này và có ngay em để chia sẻ. Chúng mình đã sống những giây phút như thế nào nhỉ? Hẳn là chẳng kém gì câu chuyện của nàng Maria. Chỉ tiếc là anh không có cái tài của Hemingway để nói gần hết giùm anh rồi còn gì! Và anh thì

lại có em, điều mà Hemingway không bao giờ có. Em có ngạc nhiên không khi ngay lúc này, anh cảm thấy yêu đời đến thế. Và ngay lúc này, anh cảm thấy còn hơn cả Hemingway, dù chưa là nhà văn, dù chưa bao giờ bắt đầu một cuốn tiểu thuyết trong đời."

Đúng rồi, Tích cảm thấy, ngay lúc này, chàng cần một điều thuốc thật ngon.

May mắn thay, còn đúng một điều thuốc như thế cho chàng. Điều thuốc mang tên:

"Sài Gòn". Thơm, dịu lạ lùng, loại thuốc ngon nhất mà chàng từng hút trong đời. Sản xuất tại Việt Nam.

Chàng mỉm cười. Kể từ nay, chàng sẽ có "Sài Gòn" hút thoải mái. Dù Sài Gòn không phải là Paris, và căn phòng của chàng không phải là khách sạn Ritz, nơi Hemingway đã từng khui hàng két rượu thượng hảo hạng sau khi quân Đông Minh giải phóng Kinh Đô ánh sáng từ tay quân Đức Quốc Xã trong Thế Chiến thứ hai.

Dù sao, chàng vẫn có thể pha cho chàng một ly trà Bảo Lộc. "Ly Trà Buổi Sáng" của chàng.

"Cũng gần sáng rồi đấy, em nhỉ?"

Chàng nhìn vào trong gương. Vẫn còn đang say sưa trong giấc điệp. Chàng mỉm cười thú vị. Chàng vừa đã hôn nàng, và sẽ lại hôn nàng. Như Maria đã hôn Jordan.



# NGÃ NĂM BÌNH HÒA TẾT MẬU THÂN

Dẫn lộ:

*Miền Nam khói lửa toi bờ  
Dân tình nhón nhác ngập trời lo âu  
Đô Thành hồng rực đêm sâu  
Trong bom đạn xé canh thâu điêu tàn...*

Vỏ đạn rải rác khắp trên mặt đường. Máy bay vẫn vũ trên nền trời trĩu nặng mây xám. Đây đó một vài xác chết nằm còng queo, người thì ngửa mặt lên trời tròng mắt chưa kịp khép, người thì úp xấp phơi lưng đẫm máu khô bầm. Chị Ngọc sợ chết khiếp, bước đi không vững, tay níu chặt lưng áo Phong. Đạn vẫn vi vút đầu đó. Thình thoảng một tiếng gầm vang dội của đại bác ngay gần chỗ hai chị em đang dìu nhau chạy. Vỏ đạn lạc loài vài miếng rớt xuống những vũng nước mưa sôi xì xì cách chỗ hai chị em không đầy một thước. Chị Ngọc quíu chân, khụy xuống, hai tay ôm lấy đùi Phong. Chị nước nỡ khóc. Phong cúi xuống đỡ chị:

- Can đảm lên nào. Gần tới nhà rồi.

An ủi bà chị dâu nhưng Phong cũng biết hai chị em đang trong tình trạng nguy hiểm. Rơi đúng vào vùng chiến. Càng gần Ngã Năm Bình Hòa xác chết càng nhiều. Những xác mặc đồ nâu sồng, đồ bà ba đen, những xác Việt Cộng nằm vùng.

Con đường hẻm dẫn vào nhà mẹ như bị cây nát. Nhà cửa, mái, tường lỗ chỗ loang lỗ những vết đạn. Cây phượng vĩ ngay trước cổng nhà nhiều tàn lá bị xé rách. Trên một cành cây trần trụi, cánh tay ai đẫm máu nằm vắt vẻo. Chị Ngọc rú lên, ngồi thụp xuống, lạnh cứng người. Phong kéo lê chị đến tận nhà.

Cửa khép nhưng không khóa. Nhà vắng ngắt. Ánh sáng rọi xuống từ những mảnh ngói vỡ, mảng trần lủng. Nhiều tranh treo trên tường tuột xuống đất. Đồ đạc xê dịch một cách hỗn độn. Nơi đây một cuộc chiến mạnh bạo đã xảy ra. Quan đội Việt Nam Cộng Hòa đã thả bom chế ngự lính Cộng Sản trước khi xáp chiến. Đúng là vùng tử địa của tàn quân Việt Cộng.

Tiếng súng liên thanh vẫn xối xả đầu đây. Bỗng một tiếng nổ ầm chân động vang âm dữ dội của đại bác. Chị Ngọc chạy tóe từ phòng trong ra, tay ôm gói đồ, mặt nhợt nhạt:

- Đi, chú! Rời khỏi nơi này ngay! Tôi nghĩ nhà mình muốn xập!

- Không đâu! Tiếng súng đã xa đây rồi. Nhưng cả nhà đã chạy hết thì mình còn đón ai. Hay chị trở về để một mình em đi kiếm gia đình.

- Trời đất! Tôi đi cùng với chú luôn chứ về một mình tôi chết mất.



## COMME UN CHRÉTIEN

Tu allumes une bougie  
Tu attends que les autres le fassent  
Comme toi, un chrétien de Pie  
Et tu te fous d'eux dans l'impasse.  
Pourvu qu'ils te ressemblent  
Et qu'ils croient à tout ce que tu crois  
En Dieu, Père et Esprit sain  
Et qu'ils te suivent loin sur ta voie.

Il ignorent les dix commandements  
De prier, se prier, piller ou quoi encore  
Tu as peur qu'à leurs yeux le monde change  
Et t'aurais plus le temps de remplir tes poches.  
Ils condamnent les anarchistes et rebelles  
Qui ont découvert leur philosophie  
Et qui ne croient plus à ce que les hommes appellent  
Dieu, Père, et Saint Esprit.

Tu regrettes les moments déchirants  
Où tu as béni derrière les armes bénites  
Dévorant ces pays pour un idéal  
Pourvu que les bombes tombent sur l'ennemi.  
Maintenant que tu es sorti  
De l'endroit où tu as inventé la paix  
Pour leur donner la foi de ta vie  
Que tes gosses puissent dormir en paix.

**Diễm Hoa**  
30 Avril, 1995

Phong ngắm nghĩ. Chàng thấy nên đưa chị Ngọc về rồi quay trở lại Ngã Năm Bình Hòa. Chàng dìu chị dâu run lẩy bẩy trên đường vắng ngắt. Nhiều tàn cây bị xé nát. Những cành cây bị miếng đại bác chẻ đôi, tước thành từng mảnh nhỏ xà xuống đồ lá rơi rụng. Nhiều vũng nước mưa đêm qua vẫn còn xèo xèo với những mảnh bom cháy vừa rớt xuống. Vẫn những xác chết trẻ nằm cô đơn dúm dỏ rải rác. Bãi chiến trường này bao giờ mới được thu dọn để bà con chòm xóm trở lại sống thanh bình như ngày hôm qua?

Tình thế lắng dịu dần. Ngã Năm Bình Hòa vẫn hồi lại không khí cũ. Đại gia đình phân tán, ai về nhà nấy. Tin tức từ ngoài Huế đưa vào khiến mọi người thất thần ghê sợ. Những cảnh giết chóc man rợ. Những đầu lia khỏi xác mắt mở trợn trừng. Những mảnh xương vụn gãy. Những mồ chôn tập thể. Sự tàn nhẫn của bọn Cộng Sản đối với dân lành mà miền Trung gánh chịu khiến người dân quê miền Nam bắt đầu hiểu ra, bắt đầu e sợ.

Cầu Trời đừng cũ một Tết Mậu Thân thứ hai cho miền Nam nước Việt!

**NGUYỄN LÂN**  
(Virginia)

# Đoạn Kết Một Chuyện Tình

## TẠ QUANG KHÔI

Cận nhìn qua cửa sổ. Bên ngoài tuyết mỗi lúc một dày. Về chiều, gió thổi mạnh, làm những bông tuyết như những cánh mai trắng bay toí tả. Những ngày đầu tiên vừa đặt chân lên đất Mỹ, Cận rất thích ngắm cảnh tuyết rơi. Tất cả chỉ một màu trắng xóa! Thật đẹp! Mùa đông đầu tiên khi mới lưu lạc sang xứ người, chàng náo nức chờ tuyết rơi. Bây giờ thì tuyết không còn hấp dẫn nữa. Tuyết rơi thì đẹp, nhưng lúc tuyết tan thật dơ bẩn!

Cận buồn bã nhìn đồng hồ. Đã gần năm giờ! Tuyết vẫn rơi, mỗi lúc một dày hơn. Nhìn nhịp độ tuyết rơi, chàng biết chàng sẽ phải về trễ. Chàng rất sợ lái xe trên đường đầy tuyết. Thật ra, về trễ đối với chàng không phải là một chuyện bất thường. Nhiều hôm, vì mãi làm việc, chàng rời tòa báo vào lúc sáu giờ tối. Về đến nhà chàng cũng chỉ ngồi xem tivi một mình vì các con thường đi làm về muộn. Căn nhà trống rỗng lạnh lẽo càng làm chàng nhớ đến Hằng, người vợ thân yêu đã qua đời. Bảy năm rồi, chàng vẫn không nguôi thương nhớ. Hằng ra đi vào dịp Tết năm Mão. Ba tháng sau, chàng phải lếch thếch dắt các con chạy trốn khỏi Việt Nam. Chàng và các con làm cái giỗ đầu tiên của Hằng trên đất Mỹ. Thời gian qua mau, nhưng

vết thương lòng của chàng vẫn còn nguyên vẹn. Chàng yêu Hằng khi nàng mới mười lăm, tóc còn kết bím sau lưng và còn đánh truyền, đánh chắt với bạn trên hè phố. Hồi đó, chàng tương đối trải đời, từng theo kháng chiến chống Pháp, hơn nàng đúng mười tuổi. Vì nàng, chàng đã bỏ hết, cắt đứt mọi liên lạc với dĩ vãng để chiều theo ý gia đình nàng. Chàng đi học lại để tạo dựng một tương lai tốt đẹp. Bốn năm sau, hai người làm đám cưới khi nàng vừa mười chín. Sau ngày cưới ít lâu, hai vợ chồng trẻ đã phải dắt díu nhau vào Nam. Cuộc sống của họ thật hạnh phúc, nhưng chỉ được có hai chục năm trời! Kỷ niệm nàng để lại cho chàng là hai đứa con, một gái một trai. Đứa con gái giống mẹ như đúc, từ đôi mắt, miệng cười đến tiếng nói, dáng dấp. Vì thế, chàng có ý thiên vị, chiều chuộng nó hơn thằng em. Con bé cũng biết thế, nên rất thương cha. Đã hai mươi bốn, hai mươi lăm tuổi mà vẫn chưa chịu lấy chồng, dù có nhiều bạn trai. Nó thường nói:

"Con đi lấy chồng, rồi ai lo cho ba? Khi đã có chồng, con phải lo tròn bổn phận một người vợ, rồi bổn phận làm mẹ khi có con."

Chàng cảm động, mỉm cười hỏi lại :

"Bộ con định ở giá luôn sao? Rồi khi ba già, ba chết, ai săn sóc con?"

Nó lắc đầu:

"Con chẳng cần ai lo hết. Ở cái đất Mỹ này, sống độc thân là sướng nhất."

Chàng đùa :

"Khi Chương nó lấy vợ, ba sẽ có con dâu lo cho ba."

Nó trề môi :

"Ba ở Mỹ lâu mà còn nghĩ như vậy là ba không thực tế. Ba có thấy con dâu nào ở Mỹ, dù là người Việt Nam, lo cho bố chồng chưa?"

"Con đừng bi quan quá. Việt Nam cũng có nhiều người giữ được lễ thói cũ hay đẹp. Với lại con cũng phải nghĩ tới tương lai của con. Ba tự lo lấy được hết."

Cảnh gia đình của ba cha con Cận thật ấm cúng. Điều mà chàng mừng nhất là hai con chàng chưa bị Mỹ hóa.

Bên ngoài, tuyết vẫn rơi. Nhìn những bông tuyết rơi rào rào, Cận biết gió thổi mỗi lúc một mạnh hơn. Đình ninh mình sẽ phải về muộn, chàng chán nản ngó chồng bài cao ngất trước mặt. Đó là những bài do độc giả khắp nơi gửi về và được xếp theo thứ tự ngày tháng nhận. Chàng hồ hững nhón lấy xấp trên cùng. Chàng liếc qua tên truyện và tên tác giả : "Người chiến sĩ không tên của Trần Lữ". Truyện viết tay, tuồng chữ đàn bà. Chàng hơi ngạc nhiên về tuồng chữ vì tên tác giả rõ ràng là tên đàn ông. Chàng chợt có một ý nghĩ ngộ nghĩnh cho rằng tác giả là một anh chàng lại cái nên mới có tuồng chữ đàn bà. Chàng tò mò thử đọc xem "anh chàng lại cái" viết gì. Nhưng chỉ mới đọc hết đoạn đầu, chàng ngạc nhiên và có vẻ chú ý hơn. Chàng không khỏi thắc mắc về sự trùng

hợp kỳ lạ. Truyện "Người chiến sĩ không tên" là truyện chàng viết gần bốn chục năm về trước. Trần Lữ cũng chính là bút hiệu của chàng hồi đó. Chàng vội vàng xem tên thật người gửi : Nguyễn thị Nam Ngọc. Cái tên hoàn toàn xa lạ. Tìm đến địa chỉ, chàng càng ngạc nhiên hơn, vì không quen ai ở tiểu bang Connecticut. West Hartford, Connecticut ! Lần đầu tiên chàng biết đến địa danh này.

Cận đọc lại một lần nữa truyện "Người chiến sĩ không tên". Vẫn những non nót, vụng về của một người mới chập chững bước chân vào nghề cầm bút. Nó là truyện ngắn đầu tay của chính chàng cách đây khoảng ba mươi lăm, ba mươi sáu năm, khi chàng tham gia kháng chiến chống Pháp. Những ngày xa xưa đó bỗng trở về với chàng...

Sau một thời gian đánh nhau với lính Tây trong thành phố Hà Nội, trung đoàn Thủ đô rút ra hậu phương. Cận được chuyển về công tác trong ban tình báo của bộ tham mưu liên khu 3. Tại đây, người ta giao cho chàng và một họa sĩ trẻ phụ trách xuất bản một tờ nội san viết tay: "Chiến sĩ vô danh". Trong số đầu tiên, chàng đã viết truyện "Người chiến sĩ không tên" để ca tụng các tình báo viên hoạt động âm thầm trong bóng tối. Đó là truyện đầu tay của chàng nên ý tưởng còn thô sơ, lời văn còn vụng về, non nót. Thế mà "Người chiến sĩ không tên" cũng được nhiều người trong cơ quan ưa thích.

Đã ngót bốn chục năm trôi qua, biết bao nhiêu lần "bãi bể biến thành nương

dâu", Cận cũng đã quên truyện đó. Nay bỗng thấy nó xuất hiện, chàng không ngạc nhiên sao được. Cái tên Nguyễn thị Nam Ngọc cũng hoàn toàn xa lạ với chàng. Càng nghĩ chàng càng thắc mắc. Trước khi xếp truyện "Người chiến sĩ không tên" sang một bên, Cận lấy bút đỏ ghi đậm hai chữ "Không đăng".

Nửa tháng đã trôi qua mà Cận cũng không sao giải đáp được thắc mắc đó. Lúc nào nó cũng canh cánh bên lòng. Rồi chàng lại nhận được bản chụp của truyện "Người chiến sĩ không tên". Chàng ngạc nhiên và tự hỏi : "Thế này là làm sao ? Người gửi có dụng ý gì ?" Vẫn Nguyễn thị Nam Ngọc ! Vẫn địa chỉ ở West Hartford, tiểu bang Connecticut ! Sau khi suy nghĩ kỹ, chàng quyết định viết cho người đàn bà mang tên Nguyễn thị Nam- Ngọc một bức thư riêng. Chàng vẫn tắt cho biết đã nhận được truyện và đã trả lời trên báo là không đăng được, xin đừng gửi thêm nữa. Một tuần sau, chàng nhận được thư trả lời :

"Anh Cận,

"Anh còn nhớ cố nhân không? Nếu anh chưa quên, hoặc anh lên gặp em hoặc cho phép em xuống thăm anh. Rất mong thư anh.

Em,

Lê thị Bích Anh"

Lần này, Cận bị xúc động mạnh, ngẩn ngơ nhìn lá thư ngắn ngủi, không biết đáng tin hay đáng ngờ. Thật hay mơ ? Chuyện xảy ra ngoài trí tưởng tượng của chàng. Lê Thị Bích Anh đúng là một cố nhân. Nàng là mối tình đầu

của chàng và đã hơn ba chục năm không gặp lại.

Khi Trung đoàn Thủ đô rút khỏi Hà Nội, những người được chuyển công tác về bộ tham mưu liên khu 3 có cả Bích Anh, một nữ cứu thương xinh xắn, duyên dáng. Nàng vốn là một nữ sinh trường Đồng Khánh, Hà Nội. Cận yêu nàng ngay lúc mới gặp và mối tình đầu của chàng đã được nàng đáp lại. Hai người quấn quít bên nhau được một thời gian ngắn, cho đến ngày Cận được gửi vào Hà Nội để hoạt động, sau một khóa huấn luyện cấp tốc về tình báo. Chàng đi và không bao giờ trở lại vì chàng đã gặp Hằng và yêu Hằng. Chàng rũ bỏ hết dĩ vãng và bỏ giờ công tác được giao phó để được sống vĩnh viễn bên cạnh Hằng. Đôi khi chàng cũng chợt nhớ tới Bích Anh, nhưng chỉ coi đó là một mối tình bông bột của tuổi trẻ. Trước khi cưới Hằng, chàng cũng nghe tin Bích Anh đã lấy người chỉ huy trực tiếp của nàng.

Nay Bích Anh bỗng xuất hiện, sau ngót bốn chục năm không liên lạc. Tại sao nàng lại ở Mỹ?

Cận đọc lại bức thư ngắn nhiều lần nữa mà cũng không tìm ra lý do Bích Anh muốn gặp chàng. Vì thế, chàng phân vân không biết có nên gặp lại người xưa không. Cả một tuần suy nghĩ chàng cũng không quyết định được. Chàng không thể lên thăm nàng, một phần vì công việc bề bộn, phần khác chàng sợ cái lạnh của miền Bắc về mùa đông. Mà để nàng xuống thăm thì cũng có nhiều bất tiện. Cho đến nay, dù đã

ngót bốn chục năm trôi qua, chàng vẫn chưa dứt bỏ được cái mặc cảm bạc tình đối với nàng.

Vào một buổi sáng của tuần lễ thứ hai, kể từ ngày nhận được thư Bích Anh, một người đàn bà bỗng gọi điện thoại cho Cận. Câu đầu tiên, bà ta hỏi ngay :

"Anh có nhận ra tiếng em không ?"

Dù đã mấy chục năm không gặp, Cận vẫn chưa quên giọng nói của người yêu cũ, rụt rè hỏi lại :

"Thưa...có phải là...Bích Anh không ?"

Tiếng cười dòn vang trong điện thoại làm Cận bàng hoàng. Vẫn là tiếng cười trong trẻo của người nữ cứu thương ngót bốn chục năm về trước.

"Anh có biết bây giờ em đang ở đâu không?"

"Ở trên Connecticut", chàng đoán.

"Không đâu ! Em chỉ cách anh có năm phút lái xe thôi."

Cận ngạc nhiên :

"Bích Anh xuống đây hỏi nào ?"

Lại có tiếng cười dòn :

"Hình như anh không muốn gặp em nên không vui khi biết em đang ở gần anh."

Cận ngập ngừng :

"Đã ngót bốn chục năm không có tin tức của nhau nên tôi... không hiểu ý định của Bích Anh khi tìm gặp tôi ?"

"Anh sẽ biết ý định của em khi mình gặp nhau tối nay."

Cận lúng túng :

"Nhưng...Nhưng..."

Bích Anh ngắt :

"Không nhưng gì hết. Mình sẽ gặp nhau tối nay. Em sẽ đến thăm anh và

các cháu nếu anh cho em biết địa chỉ nhà anh...Hay anh muốn em đến tòa báo cũng được, em sẽ đến ngay bây giờ."

"VẬY...tôi xin mời Bích Anh đến nhà..."

Rồi chàng dành cho nàng biết địa chỉ của chàng. Ngừng một chút, chàng tiếp :

"Nhưng... hôm nay có thể tôi sẽ về hơi trễ..."

Bích Anh đáp ngay :

"Em sẽ ngồi nói chuyện với các cháu chờ anh."

"Chúng nó còn về trễ hơn tôi."

Bích Anh nói dối :

"Thì em cứ đứng ở ngoài cửa."

Rồi bỗng nàng đổi giọng, nửa đùa nửa thật:

"Anh Cận, em báo trước cho anh hay là lần này anh đừng hòng chạy thoát. Đã ngót bốn chục năm đuổi bắt anh, em không thể để mất anh lần nữa."

Cận nghe lòng xao xuyến. Dù sao Bích Anh cũng là người yêu đầu tiên của chàng. Sau này, chàng yêu Hằng trong tình nghĩa vợ chồng, nhưng bóng hình Bích Anh không hoàn toàn phai nhòa trong tâm tưởng chàng, thỉnh thoảng vẫn còn phảng phất hiện ra mờ mờ nhạt nhạt.

Lại có tiếng Bích Anh :

"Chị bạn em cho biết từ nhà chị đến nhà anh rất gần, đi bộ chỉ vài phút thôi. Vậy chiều nay mình gặp nhau nhé...Đừng trốn tránh em lần nữa, tội nghiệp !"

Câu cuối cùng nàng nói bằng một giọng năn nỉ, ngọt ngào khiến Cận không khỏi cảm động. Từ phút đó chàng băng khuâng, suy nghĩ vẩn vơ,

trở về với dĩ vãng xa xưa. Suốt ngày chàng không làm được việc gì nên hồn. Chàng cứ thắc mắc tự hỏi Bích Anh sang Mỹ làm gì ? Chồng con ra sao? Cuộc sống hiện tại của nàng thế nào ? ... Và cả trăm câu hỏi khác nữa mà không sao giải đáp nổi.

Buổi chiều, Cận về sớm hơn thường lệ nửa giờ.

## X

Cận đứng lặng yên ngắm người đàn bà trước mặt. Đứng là Bích Anh của chàng ngót bốn chục năm xưa, một Bích Anh già nua tuy vẫn còn những nét quen thuộc cũ. Nếu tình cờ gặp nàng ở ngoài đường chàng không chắc đã nhận ra. Nàng cũng im lặng ngắm chàng, rồi lên tiếng trước:

"Trông anh già hơn tuổi."

Cận gật đầu :

"Vâng, tôi cũng biết như vậy. Khi buồn và vất vả người ta chóng già."

Bích Anh bỗng vui vẻ hỏi :

"Nhưng mà sao anh không cho khách vào nhà?"

Nói xong, nàng bước luôn vào, không chờ đợi mời mọc, rồi suýt xoa :

"Đứng ngoài lâu lạnh quá."

Cận ngượng ngùng xin lỗi về sự vô ý của mình.

Khi hai người đã ngồi đối diện trong phòng khách, Bích Anh hỏi :

"Sao anh không nhuộm tóc đi cho đỡ già? Để đầu bạc phơ như thế thì có lợi gì?"

Cận nhún vai :

"Chẳng lợi mà cũng chẳng hại. Tôi không cần phải giấu diếm ai hết. Tóc Bích Anh chắc có nhuộm ?"

"Vâng. Nhưng tóc em chưa bạc như tóc anh đâu, chỉ mới có ít sợi trắng thôi. Em lại nghĩ rằng việc gì mình phải khoe cái già của mình cho nó...ám đạm cuộc đời, có ảnh hưởng đến tinh thần. Nhuộm tóc đi mình sẽ thấy mình trẻ lại và yêu đời hơn..."

"Mà Bích Anh có yêu đời thật không?"

"Đời người ta có lúc nổi lúc chìm, nổi thì yêu đời, chìm thì chán đời. Đã có lúc em chán đời vô cùng, chỉ muốn chết cho xong...Nhưng bây giờ thì em đang yêu đời."

Cận giữ im lặng, chỉ nhìn nàng đắm đắm. Nàng bỗng hỏi sang chuyện khác :

"Các cháu thường về lúc mấy giờ?"

"Con Hương, con gái lớn của tôi, bao giờ cũng về khoảng bảy giờ, còn thằng Chương, em nó, thì không chừng."

Sau khi hỏi qua loa về những chuyện lật vạt vắn vợ, Bích Anh nhìn thẳng mặt chàng nói:

"Em biết anh đang có nhiều thắc mắc về em. Nào, bây giờ anh muốn hỏi gì em xin trả lời."

Cận ngập ngừng rồi im lặng. Bích Anh lại nói :

"Nhìn vẻ rụt rè, e ngại của anh là em biết anh có nhiều thắc mắc lắm. Ngót bốn chục năm không có tin tức của nhau mà khi gặp lại em, anh cũng không mừng... Dù chỉ là hai người bạn không thân lắm, xa nhau lâu, tình cờ gặp lại nơi xứ lạ quê người, cũng mừng

mừng tui tui, vì 'tha hương ngộ có tri' mà. Trong khi đó, anh với em chạ gì trước kia...trước kia..."

Nàng bỗng nghẹn ngào không sao nói tiếp. Cận cúi mặt im lặng. Nhưng chỉ vài phút sau, nàng đã lấy lại bình tĩnh :

"Tính cho đến ngày hôm nay chúng ta xa nhau...băm năm năm, tám tháng và mười bảy ngày."

Cận thốt kêu :

"Khiếp ! Làm gì mà tính kỹ quá vậy?"

Nàng đáp :

"Em đếm từng ngày, từng giờ, anh ạ."

"Thế còn chồng con Bích Anh bây giờ ra sao ?"

Im lặng một lát, nàng khẽ thở dài :

"Bây giờ em xin kể từ đầu...Hơi dài dòng một chút, nhưng có thể anh mới hiểu hết được."

Cận im lặng chờ đợi. Nhưng nàng không kể ngay, lại hỏi :

"Hình như anh quên không mời khách uống nước thì phải?"

Cận giật mình, vội tìm cách tự bào chữa:

"Gặp lại Bích Anh, tôi quên hết ! Nào Bích Anh uống gì ? Nhà có nước ngọt, nước cam..."

Nàng gạt đi :

"Xin anh cho em một cốc nước lạnh, em không quen uống nước ngọt. Thôi, anh cứ ngồi đi, để em vào tìm nước lấy."

"Nhưng Bích Anh có biết ly để đâu mà lấy."

"Thì em cứ lục tung lên là phải thấy chứ gì."

Nàng vẫn có giọng tinh nghịch hỏi trẻ. Chính cái tinh nghịch duyên dáng đó mà Cận mê nàng. Thoáng trong một giây, chàng cảm thấy vui được gặp lại nàng.

Bích Anh vào bếp không đầy nửa phút đã trở ra với ly nước lạnh. Sau khi đặt ly nước lên bàn, nàng nhìn chàng, vui vẻ :

"Nào, bây giờ mình bắt đầu phiêu lưu trở về dĩ vãng."

Rồi nàng cười lớn :

"Nói chuyện với nhà văn, nhà báo thì cũng phải văn chương chữ nghĩa chứ. Đừng cười em nhé."

Cận chỉ im lặng nhìn nàng, nhưng lòng rộn lên một niềm vui khác thường. Nàng hỏi:

"Theo anh, mình nên bắt đầu từ đâu?"

"Tùy Bích Anh, vì tôi đâu có biết Bích Anh định nói những gì."

Nàng ngập ngừng :

"Hay là... anh hỏi để em trả lời...như "làm việc" với công an. Có khi như vậy lại chóng giải đáp được những thắc mắc của anh."

Cận phì cười :

"Bích Anh vẫn lém lỉnh, đùa nghịch như ngày xưa. Tôi không tin là Bích Anh đã ngoài năm chục, có thể có cháu nội, cháu ngoại rồi."

Bích Anh công nhận :

"Vâng, em đã có cả cháu nội lẫn cháu ngoại. Cảm ơn Anh đã...tưởng em còn trẻ. Thế mới biết nhà văn các anh khéo nói thật. Mà em xin thú thật với anh là em chỉ mới trẻ lại khi...nắm được áo anh thôi. Lần này thì em nắm thật

chắc. Trước đó, em cũng héo hắt, sàu muộn lấm. Tìm anh còn khó hơn tìm chim đất. Nửa vòng trái đất, chứ có gần gì cho cam. Một phần cũng tại anh không lấy lại bút hiệu cũ ở Việt Nam, phần khác anh lại ít giao du, nên chẳng biết đâu mà hỏi nữa. Nhưng rồi cũng tìm ra. Hết chạy trốn rồi nhé."

"Bích Anh tìm tôi để làm gì?"

Nàng ngó chàng đăm đăm, ngạc nhiên :

"Anh hỏi thật hay đùa thế ? Để làm gì ? Ô hay, em tìm anh suốt cuộc đời em để làm gì nhỉ ? Anh là nhà văn mà cũng có thể hỏi một câu...ngớ ngẩn như thế sao ? Tuy nhiên, em cũng xin trả lời một cách nghiêm chỉnh rằng em tìm anh để... đòi nợ !"

Cận có vẻ hơi ngượng, ngồi chết lặng. Bích Anh tiếp :

"Nợ tình chưa trả mà anh."

Chợt nàng trầm hẳn giọng :

"Anh cũng thừa biết rằng lúc nào em cũng chỉ yêu có anh."

Cận ngó đi chỗ khác như muốn trốn tránh một sự thật.

"Vâng, nàng tiếp, em chỉ yêu có anh trong suốt cuộc đời em...dù em vẫn biết anh không còn mây may thương yêu em."

Cận lúng túng, ngập ngừng :

"Tôi...tôi không ngờ..."

"Anh không ngờ cái gì ? Phải chăng anh không ngờ em vẫn yêu anh, yêu như hồi chúng mình còn ở trong rừng Lương Sơn tỉnh Hòa Bình ? Hay anh không ngờ em có thể sang đến tận Mỹ để tìm anh ?"

Cận lại bị Bích Anh dồn vào cái thế không biết nói năng làm sao. Ngay khi còn ở Việt Nam, chàng cũng chưa bao giờ nghĩ tới chuyện nàng tìm gặp chàng, huống chi nay đã ở Mỹ.

Bích Anh buồn buồn tiếp :

"Nhắc đến rừng Lương Sơn em lại...lại giận anh. Em không ngờ anh lại chóng quên lời thề như vậy. Em biết chắc hồi đó anh cũng yêu em...không thua gì em yêu anh..."

Cận thâm công nhận chàng đã yêu Bích Anh tha thiết và đã từng thề thốt với nàng.

"Ngày đó, anh biết không? Khi nghe tin anh say mê một cô gái Hà Nội, bỏ cả hoạt động, cắt đứt liên lạc với tổ chức, em lòng lộn muốn vào thành tìm anh ngay. Nhưng anh Kim đã tìm cách ngăn cản, cho người canh chừng em từng bước, vì anh ấy yêu em, biết rằng nếu để em đi, chắc chắn là mất luôn cả em."

Cận chỉ ngó Bích Anh và vẫn im lặng. Bích Anh có giọng tha thiết :

"Sau khi mất liên lạc với anh, em bị bệnh nặng, vừa suy nhược tinh thần vừa sốt rét ngã nước, tưởng đã chết mất xác ở trong rừng. Nhờ anh Kim hết lòng săn sóc và lo lắng cho em nên em mới qua khỏi. Khi anh ấy ngỏ lời xin cưới em thì em bằng lòng ngay. Hồi đó, em nghĩ rằng mất anh rồi thì...lấy ai cũng thế thôi...Người ta lấy em là lấy một cái xác, còn hồn em lúc nào cũng ở bên anh, dù bị anh hắt hủi."

Ngừng một chút, Bích Anh lại nói :



"Kim hơn em những mười lăm tuổi, lại là người Tây ở vùng Cao Bằng, làm sao em có thể yêu được. Nhưng lúc đó, em không còn một chút hy vọng nào được gặp lại anh, nên cũng liều..."

Mỗi lời nói của nàng như một nhát dao chém vào tim Cận. Nỗi đau khổ của nàng càng lớn bao nhiêu thì niềm hối hận của chàng càng ray rứt bấy nhiêu.

"Anh Kim cũng biết như thế, nhưng anh ấy nghĩ rằng sự chiều chuộng, sự săn sóc tận tình của anh ấy sẽ có thể làm em quên được anh. Rồi khi nghe tin anh cưới vợ, bỏ đi Nam, em hoàn toàn tuyệt vọng. Của đáng tội, những năm sống với anh ấy cũng là những năm sung sướng."

Cận nói :

"Thế cũng là có hạnh phúc rồi."

Bích Anh gật đầu :

"Vâng, nếu chỉ cần chồng yêu, chồng chiều là hạnh phúc thì em có hạnh phúc với anh Kim."

Ngừng một chút, nàng lại nói :

"Em không phải là gỗ đá, cũng không phải người vô tình. Người ta đối với mình như bát nước đầy, mình cũng phải đáp lại phần nào. Em đã tròn nghĩa vợ chồng với anh ấy."

"Bích Anh có mấy con ?"

"Ba, nhưng anh ấy chỉ nhận có hai thôi."

Cận trở mặt nhìn nàng :

"Thế là thế nào, tôi không hiểu."

"Vì...vì...đứa thứ ba anh ấy không nhận."

Cận lắc đầu :

"Quả thật tôi vẫn không hiểu. Tại sao lại không nhận ? Hay..."

Bích Anh bỗng phì cười :

"Anh lại nghi xấu cho em rồi. Em không phải là hạng người như vậy đâu. Với lại, người có thể đưa em vào con đường...tội lỗi thì đã bỏ em mà đi mất tăm mất tích lâu rồi."

Ngừng một chút, Bích Anh giải thích :

"Sở dĩ anh Kim không nhận đứa thứ ba là vì anh ấy nghi là con... của anh."

Cận dẩy nẩy :

"Con tôi? Sao lại kỳ cục như vậy được?"

"Đứa thứ ba em đẻ vào năm 1976, sau ngày giải phóng miền Nam. Năm nay cháu mới 7 tuổi và đang ở với em...Ngay giữa tháng 5 năm 75, dựa vào thể lực của chồng, em xin giấy vào Nam thăm họ hàng. Thật ra, em chẳng có họ hàng, thân thích nào ở trong Nam. Em chỉ vào để tìm anh thôi. Trước khi đi, em đã hỏi được địa chỉ của anh. Vào đến nơi em mới biết anh đã kịp chạy thoát ra nước ngoài và chị cũng mới qua đời...Tình cờ em gặp một người bạn học cũ từ thời thơ ấu, trước ở cùng phố với em, nên lảng đàng trong Saigon hơn một tháng mới về Bắc. Thấy em ở trong Nam lâu, anh Kim nghi em đã gặp anh.."

"Sao Bích Anh không nói cho anh ấy biết là tôi đã chạy ra nước ngoài ?"

"Sao lại không ! Nhưng anh ấy không tin. Rồi khi em sinh con bé Nam Ngọc, anh ấy không nhận nó là con. Có điều rất lạ là...cháu có nét giống...anh. Chính em cũng không hiểu tại sao."

Cận lắc đầu :

"Tôi không tin là Kim nghi Bích Anh có con với tôi. Việc kiểm chứng

có khó khăn gì đâu mà phải nghi bậy nghi bạ như vậy. Có thể còn có chuyện gì bí ẩn bên trong."

Bích Anh công nhận :

"Vâng, bí ẩn đó là chính anh ấy ngoại tình. Từ lâu anh ấy lén lút đi lại với một cô cán bộ trẻ dưới quyền. Bây giờ kiếm có muốn bỏ em để chính thức lấy cô ta. Mới đầu em còn muốn gỡ lại danh dự bằng cách không chịu ly dị. Sau em nghĩ rằng danh dự cũng chả làm cái quái gì, tốt nhất là làm sao tìm được anh. Em hỏi dò biết anh đang ở Mỹ, em tính chuyện vượt biên. Thế là em bán đồ bán đặc, vay cào vay cấu được ít tiền, em ôm con vào Nam...Rồi bây giờ em đã mãn nguyện vì được gặp lại anh sau mấy chục năm trời xa cách. Và còn điều này đáng mừng nữa...Cả anh lẫn em đều tự do...Em muốn cho anh biết một chuyện, nhưng anh không được giận em, em mới dám nói."

Cận dè dặt :

"Điều đó có hại gì cho tôi không ?"

"Không, chắc chắn là không hại gì đến ai, kể cả anh."

"Vậy thì Bích Anh cứ nói."

"Chính... chính cái tin chị đã qua đời thúc đẩy em tìm lại anh. Nếu chị còn sống, em cũng chẳng dại gì mà ôm con nhỏ lao đầu ra bể đâu. Anh không vượt biên nên anh không biết cái nguy hiểm của bể cả, mười phần thì chắc chết đến chín."

Cận chột khẽ thờ dài. Chàng không ngờ Bích Anh lại liều lĩnh như vậy.

"Nhưng anh biết không? Lúc đó, nếu hai mẹ con em có phải làm mồi cho

cá, em cũng bằng lòng vì em đã chết cho tình yêu...May là em đã tới bờ được bình an. Bây giờ nghĩ lại, em vẫn thấy sợ."

Nói xong, nàng khẽ rung mình. Cận gật đầu:

"Kể Bích Anh cũng liều thật. Bích Anh chết cho tình yêu đã đành, còn cháu bé chết vì sự liều lĩnh của mẹ. Bích Anh có nghĩ tới điều đó không ?"

"Em cũng có nghĩ, cháu còn nhỏ, bắt buộc em phải mang cháu theo. Nhưng Trời Phật đã thương em, không những hai mẹ con sống sót mà em còn tìm ra anh. Thế là em mãn nguyện rồi. Đó không phải là lý do em trẻ lại và yêu đời sao ?"

Câu chuyện liều lĩnh của nàng đã khiến Cận rất cảm động. Để che giấu sự cảm động đó, chàng hỏi lảng :

"Còn hai cháu lớn thì sao ?"

"Chúng nó có vợ, có chồng và con cái cả rồi."

"Thế là Bích Anh đã lên chức bà nội, bà ngoại."

Nàng cười :

"Thì cũng phải thôi. Tuổi anh và tuổi em nếu có cháu cũng chẳng sớm sửa gì."

Cận cố lấy giọng vui đùa :

"Thì ra mình già cả rồi...Thế mà mình vẫn còn lãng mạn quá. Nghe chuyện Bích Anh, tôi cứ ngỡ tôi đang đọc một truyện tình rất lâm ly."

Bích Anh cười :

"Truyện giữa anh và em còn lãng mạn và hấp dẫn hơn bất cứ một tiểu thuyết tình nào khác."

Cận nói tiếp :

"Và đang đi đến hồi kết cục."

"Chắc là vui lắm nhỉ. Có phải người Mỹ gọi thế là 'happy ending' không, anh?"

Cận gật đầu, cười :

"Chúng ta thì gọi là chuyện có... hậu."

Bích Anh vui vẻ nói ngay :

"Thế là anh hứa rồi nhé. Dù đã trễ, quá trễ, mà vẫn có hậu thì cũng là chuyện hay, anh nhỉ."

Cận biết Bích Anh khéo léo buộc chàng vào, nhưng cũng không biết nên nói gì. Thật ra, trong thâm tâm, chàng cũng không khỏi cảm động trước mối chân tình của nàng. Chàng nhớ lại ngày hai người mới gặp nhau.

Hồi đó, vào đầu năm 1947, Pháp đã mở rộng vùng tạm chiếm và bộ tham mưu liên khu 3 phải rút vào một khu rừng già thuộc châu Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình. Chàng yêu Bích Anh ngay khi mới gặp. Nàng có vẻ đẹp Tây phương. Đôi mắt to và nâu, lông mi dài và cong. Mũi cao dọc dừa. Miệng cười duyên dáng, quyến rũ vì một chiếc răng khênh. Vào những buổi chiều tà, hai người thường sánh vai đi dạo trên con đường mòn ven suối. Có đêm trời sáng trăng vắng vặc họ ngồi bên nhau trên một khối thạch bàn bên bờ suối. Chàng đàn, nàng hát nhỏ nhỏ bài "Suối mơ" của Văn Cao, chỉ đủ để hai người nghe. Mối tình của họ càng ngày càng thắm thiết và ai cũng tin rằng thế nào họ cũng sẽ tiến tới hôn nhân. Cả Cận lẫn Bích Anh cũng tin như vậy. Rồi Cận được lệnh tham dự một khóa đặc biệt về tình báo ở một bản cách xa cơ quan chính

khoảng bốn chục cây số đường rừng. Khóa học kéo dài ba tháng, nhưng đến giữa tháng thứ hai chàng bị bệnh. Con sốt làm chàng mê man, không ăn không uống gì được. Thuốc men thiếu thốn, bác sĩ không có, các cô nữ cứu thương của bệnh xá đều bó tay. Ai cũng nghĩ rằng chàng không thể qua khỏi, thậm chí người ta đã tìm cây nhờ người Mường khoét thành một cái áo quan dành cho chàng. Bỗng, vào một đêm đã khuya, Bích Anh cưỡi ngựa băng rừng đến thăm chàng. Thấy nàng xuất hiện bất ngờ, mọi người đều ngạc nhiên. Khu rừng chung quanh lớp huấn luyện, về đêm, vẫn nổi tiếng có nhiều hổ. Thế mà Bích-Anh dám một mình một ngựa, tay không, đi trong đêm tối. Vừa thấy chàng trên giường bệnh, nàng bật khóc. Nàng không ngờ hai người mới chỉ xa nhau có ít ngày mà chàng trông đã thảm thương, tiêu tụy đến như thế.. Nàng lấy trong túi dật ra một gói nhỏ, trao cho cô nữ cứu thương trực, dặn dò :

"Đây là thuốc sốt rét loại tốt nhất bây giờ. Gia đình tôi vừa từ Hà Nội gửi ra cho tôi. Xin cho anh ấy uống ngay, mỗi ngày ba viên."

Rồi nàng tự tay cho Cận uống viên thuốc đầu tiên. Đến sáng, chàng đã hơi tỉnh, nhưng đôi mắt còn lơ lơ mất thần nên không nhận ra nàng. Không thể ở lại săn sóc người yêu, nàng phải trở về cơ quan lúc gần trưa. Nhờ thuốc của Bích Anh, bệnh Cận thuyên giảm nhanh chóng, dần dần chỉ còn là những cơn sốt cách nhật và ngán. Khi khóa huấn luyện

chấm dứt, chàng trở về cơ quan và nghỉ ngơi được một tuần. Trong thời gian nghỉ ngơi này, Cận và Bích Anh càng hiểu nhau càng yêu nhau hơn. Rồi ngày lên đường nhận công tác cũng tới. Trong giây phút chia tay, họ không ngờ mãi ngót bốn chục năm sau mới lại gặp nhau.

Cận khẽ thở dài, nói :

"Tôi vẫn đinh ninh chả bao giờ mình còn được gặp nhau nữa... Ai ngờ..."

"Em cũng nghĩ như anh...Hiệp định đình chiến mới ký kết, em đã hấp tấp vào ngay Hà Nội với hy vọng được gặp anh. Nhưng nghe tin anh chị đã bỏ đi Nam."

Cận hỏi đùa :

"Lúc đó, Bích Anh còn giận tôi không?"

Bích Anh thành thật đáp :

"Giận anh thì lúc nào cũng giận...cho mãi đến lúc này...Mà yêu thì không bao giờ hết yêu...Vì thế, hồi đó, nếu có được gặp anh, em sẽ khuyên anh nên đi Nam. Anh mà ở lại thì rất nguy hiểm. Không chừng em cũng theo anh chị vào Nam luôn."

"Lúc đó, Bích Anh đã có con chưa?"

"Chưa. Ở ngoài hậu phương khổ lắm, không dám có con. Mãi năm 56, em mới có con đầu lòng, lúc đó em đã là giáo viên cấp 2."

"Thì ra Bích Anh là cô giáo."

"Mỗi lần dạy học trò tới đoạn Kiều "Tái sinh chưa dứt hương thề, Làm thân trâu, ngựa đền nghì trúc mai" là em nhớ tới anh...Nhưng anh ơi, em chả có lỗi gì để phải làm thân trâu, ngựa..."

Cận phì cười, nói ngay :

"Kiếp sau mới phải làm trâu, ngựa, vậy kiếp này tôi làm gì?"

Bích Anh nhìn chàng bằng đôi mắt triu mến:

"Làm gì thì anh tự biết lấy. Nhưng em cũng xin cảnh cáo là lần này em không để anh...chạy thoát đâu. Hết đường trốn rồi, anh ạ."

Trầm ngâm một lát, Cận nói :

"Hoàn cảnh bây giờ đã đổi khác. Chúng ta đều có con lớn..."

Bích Anh gạt đi ngay :

"Con cái không phải là trở ngại. Các cháu ở Mỹ lâu rồi, tinh thần cởi mở phóng khoáng chứ không hẹp hòi như còn ở Việt Nam."

"Thế còn con của Bích Anh thì sao?"

"Hai đứa nhón ở Việt Nam không kể làm gì., con nhỏ đang ở với em, mới bảy tuổi. Cháu tên là Nam Ngọc."

"Nam Ngọc! Không phải tên con trai cũng không ra tên con gái."

"Hồi cuối bảy năm, em đi Nam về thì có thai cháu. Em coi cháu như viên ngọc của miền Nam nên mới đặt cháu là Nam Ngọc."

Cận cười :

"Mấy thầy cô giáo hay bày vẽ thật. Con gái tôi là Hương vì mẹ nó là Hằng, con trai là Chương vì tôi là Cận. Chẳng cầu kỳ gì hết."

"Ấy vì cái tên Nam Ngọc và vì cháu hao hao giống anh..."

Cận cắt ngang :

"Giống tôi? Bích Anh nói gì mà lạ vậy? Làm sao mà giống tôi được!"

"Em cũng chả biết giải thích làm sao... Có lẽ hồi có thai cháu, em nghĩ nhiều đến anh. Bố cháu ghen âm ỉ và không nhận cháu..."

"Càng vô lý nữa! Bây giờ cháu ở đâu? Cháu có theo Bích Anh xuống đây không?"

"Có ạ. Chỉ có hai mẹ con, đi đâu em cũng tha cháu theo."

"Bắt cháu phải nghỉ học?"

"Không, cháu đang nghỉ mùa đông."

Bỗng Bích Anh nhìn đồng hồ, rồi nói :

"Gần bảy giờ rồi, em phải về để đưa cháu đi ăn."

Cận nhìn nàng đăm đăm, dụi dụi :

"Bích Anh vẫn như ngày xưa."

"Sao lại vẫn như ngày xưa được. Em thay đổi nhiều lắm. Hồi đó, khi gặp anh, em là một cô gái mới lớn. Bây giờ em là một bà già, có cháu nội, cháu ngoại rồi."

"Nhưng dáng dấp, cách ăn nói của Bích Anh vẫn như ngày xưa... Vẫn duyên dáng, quyến rũ..."

Bích Anh tủm tỉm cười, nhìn người yêu bằng đôi mắt tinh nghịch hỏi :

"Anh học thối... nịnh đầm từ bao giờ thế?"

Cận đáp một cách thản nhiên :

"Từ lúc gặp lại... em."

Tiếng "em" chàng buông nhẹ và rất triu mến khiến Bích Anh đỏ ửng mặt vì sung sướng, không thốt nên lời.

Hai người im lặng nhìn nhau một lúc khá lâu, rồi Bích Anh lên tiếng trước :

"Thôi, em phải về kẻo cháu mong..."

Cận ngập ngừng :

"Em đợi anh viết cho các cháu mấy chữ, rồi anh đi với em...Anh muốn dành cả buổi tối nay cho em và cháu..."

Bích Anh hỏi lại ngay :

"Chỉ buổi tối nay thôi sao?"

Cận nắm chặt tay nàng, tha thiết :

"Tất cả quãng đời còn lại của anh sẽ dành hết cho em..."

Bích Anh nghẹn ngào không nói nên lời, đôi mắt rung rung...

TQK

\*

### Nhà Văn HOÀNG HẢI THỦY viết về Nhà Văn TẠ QUANG KHÔI

*Vê Cu,*

*Không biết tao đã gửi cho mày truyện này chưa? Đây là truyện cuối cùng của tao. Hết xí quách rồi, không viết gì được nữa. Truyện này không dài mà cũng không ngắn, chỉ dở dở ương ương thôi. Tiện thể gửi cho CTHĐ xem chơi. Khôi.*

Trên đây là đoạn thư ngắn ông Nhà Văn Tạ Quang Khôi, hiện sống và viết ở Virginia, Kỳ Hoa, gửi qua I-Meo Internet cho bạn ông là ông Nhà văn Văn Quang hiện sống ở Sài Gòn, Việt Nam. Nhân tiện ông Tạ Quang Khôi gửi bản "Truyện Cuối Cùng" của ông cho CTHĐ – tức là Tui – nên tui mới được đọc truyện cuối cùng của ông Tạ, và sáng nay tôi viết bài này.

Ông TQ Khôi gọi ông Văn Quang là Vê Cu – VQ – như năm xưa – trước năm 1975 – các ông văn nghệ sĩ Sài

Gòn thường gọi ông Nhà Văn Vũ Khắc Khoan là VêCaCa – VKK – tiếng gọi thân thương. Ông TQ Khôi vì nước da của ông trắng như bông bưởi nên được các ông văn nghệ sĩ gọi là Tạ Ông Khôi. Ông TQK còn có cái tên thứ ba là TêCuKa. TQK. Ông ký tên là “Khôi” dưới đoạn thư ông gửi ông VQ như quý vị thấy trên đây.

Năm 1956 khi tuần báo Văn Nghệ Tiền Phong – Chủ nhiệm Hồ Anh Nguyễn Thanh Hoàng – Số 1 ra đời ở Sài Gòn, ông Tạ Quang khôi – thanh niên Hà Nội dzô Sài Gòn năm 1954 – viết truyện dài Mưa Gió Miền Nam trên VNTP. Cùng khi ấy ông Mai Thảo giữ Trang Thơ VNTP. Ông không ký tên Mai Thảo, ông ký tên gì tôi không nhớ, và ông chỉ giữ Trang Thơ VNTP chừng hai, ba tháng là ngừng để lo việc biên tập Tạp Chí Sáng Tạo. Cùng khi ấy tôi được viết phóng sự *Vũ Nữ Sài Gòn* trên VNTP.

Tôi gặp ông TêCuKa lần đầu trong tòa soạn Văn Nghệ Tiền Phong. Ngoài việc viết tiểu thuyết, ông là nhà giáo. Có lẽ vì nặng chất mô phạm nên ông TQK là người viết truyện có đời sống ngang bằng, sỗ ngay – tức đàng hoàng — nhất trong giới viết truyện có nhiều người sống bê tha, bê bối.

Ngày vui, ngày buồn, tháng hồng, tháng sám, năm sớm, năm muộn rồi cũng qua mau. Ba chìm, bảy nổi, chín lênh đênh trong cuộc biển dâu quốc nạn, rồi tôi và vợ con tôi cũng sang được Kỳ Hoa. Tháng 10 năm 1994 khi tôi đến Virginia được khoảng 10 ngày,

nhiều lúc tôi còn tưởng như tôi đang sống ở Sài Gòn, ông TQK – tức ông Tạ Quang Khôi – đến đón tôi, đưa tôi đi xem phong cảnh Washington DC. Sau 1975 bà vợ ông qua đời ở Sài Gòn, năm 1980 ông dắt các con ông vượt biên sang Mỹ. Ở Virginia, ông từng làm vài năm trong tòa soạn Văn Nghệ Tiền Phong. Nay ông đã retire. Trên xe đi, ông nói:

“Tao đưa mày đi mua quần áo. Ngày tao đến Mỹ, các bạn cho bố con tao quần áo cũ. Tao tủi thân lắm. Nay có bạn đến, tao đưa đi mua quần áo mới. Một bộ thôi, nhưng là đồ mới. Mày chọn cho mày một bộ, chọn cho vợ mày một bộ.”

Văn Quang, Uyên Thao và tôi ra đời năm 1933; Tạ Quang Khôi cao tuổi nhất trong ba chúng tôi. Tôi nghi ông vào cõi đời này năm 1930, có thể là năm 1928. Từ 10 năm nay ông sống một mình trong một apartment Bộ Xã Hội Mỹ dành cho những người già có tiền thu nhập thấp: Old Senior Low Income. Ông sống rất thư thái với hai dàn máy computer, một dàn để viết, một dàn để sơ-cua. Sống một mình nhưng ông không buồn một ly ông cụ nào. Mấy năm nay vì tuổi già, ông mắt mờ, tai điếc, tâm trí ông vẫn minh mẫn. Nay thấy ông cho biết ông ngưng viết vì tuổi cao, tôi bùi ngùi vừa thương ông vừa thương thân. Tôi cũng sắp không còn viết được nữa như ông. Thay vì viết tiếc thương ông khi ông không còn ở đời này, tôi viết về ông ngay khi ông còn sống.

# KỶ NIỆM TUỔI THƠ

Nhìn được vài tấm hình cũ của người quen gửi đến, trong đó có một hai bạn học thời nhỏ ở làng đánh cá Phước Hải (PH), trong tôi có niềm vui buồn lẫn lộn.

Thời gian qua mau quá! Hoàng (H) ngày đó, trong hình đứng bìa bên trái, mặc áo trắng bà ba, quần dài đen, chắc khoảng 11, 12 tuổi (?). Còn bây giờ, đã 60. Gia đình chồng con ra sao?

Hoàng học chung với tụi tôi nửa năm lớp nhì (lớp 4 bây giờ) với cô Thủy. Năm đó, vì lớp nhì bên nữ đông quá, nên trường đã sắp xếp cho khoảng hơn mười cô sang lớp trai. Sang năm hai lớp nhì nhập lại thành một lớp nhứt, trong lớp chỉ bọn con trai hơn 50 đứa học với thầy Huynh, không còn cô nàng nào.

Tôi vẫn còn nhớ đến Hoàng vì một kỷ niệm thật đặc biệt. Năm lớp nhì lớp nhứt, hình như Hoàng đã ở lại lớp nên đã không còn học chung với tụi tôi ở năm đệ lục. Cả năm đó tôi không còn gặp Hoàng, hoặc gặp nhưng không để ý, vì không còn ở trong cùng một lớp. Nhưng mỗi khi Tết đến bao giờ tôi cũng có dịp gặp lại cô nơi sông Bông Vụ, nhất nhì tam tứ ngũ lục. Ba Hoàng làm cái, Hoàng chỉ có nhiệm vụ ngồi bông con Vụ (búng con Vụ cho quay vòng vòng). Trong ngày Tết, suốt các con đường chính Phước Hải đây những hàng Bông Vụ, Bầu Cua Cá Cọp, Lô Tô, xen

kẻ là các hàng ăn uống như hột vịt lộn, mực nướng, nước đá nhận, các loại chè, bánh, đồ chiên, thức ăn mặn v.v...

Ngày Tết, tôi không chơi Bông Vụ, Bầu Cua Cá Cọp, nhưng lúc nào cũng có dịp đứng coi, chỉ vì đi chung với Sác một người bạn thân, rất thích chơi loại này. Nhớ là ba bốn năm liên tiếp, lúc nào Tết đến tôi cũng thấy Hoàng ngồi ở hàng Bông Vụ bên cạnh ông già. Hoàng mặc quần dài đen, nhưng áo hình như chỉ có hai màu, đen hoặc trắng, bên cạnh ba, ông luôn luôn mặc bộ đồ Py-ja-ma màu trắng ngà. Thấy hai đứa tôi, Hoàng chỉ nhoẻn miệng cười một chút, rồi chăm chú tiếp tục ngay vào việc Bông Vụ. Còn ba Hoàng tôi chưa bao giờ thấy ông cười. Ai có chơi Bông Vụ rồi chắc biết. Sát lề đường đi, một tấm giấy lớn bằng mặt bàn ăn để ngay dưới đất. Trên đó kẻ ra sáu ô bằng nhau, mỗi ô được vẽ từ 1 chấm đến 6 chấm (nhứt, nhì tam, tứ, ngũ, lục). Hình như chỉ chấm nhứt màu đỏ, còn lại toàn màu đen. Trò chơi đen đỏ. Đặt tiền chơi có thể đặt ngay giữa ô (để ăn trọn 1 ăn 1) hoặc giữa hai ô (để nếu trúng thì được chung phân nửa thôi). Hoàng và ông già ngồi sau tấm giấy lớn này, trên tấm chiếu, cách ngồi như ngồi thiền, ngồi nghe kinh, niệm Phật. Mặt mày hai cha con "uru tu" lắm, vì đang chơi trò sát

phạt mà. Ba Hoàng chắc chỉ mong vào tài bông con Vụ của cô con gái để tránh phải cuốn gói về nhà sớm, vì chung cho người trúng đến hết tiền túi.

Bắt đầu một ván chơi, trước tiên, Hoàng phải lấy tay búng cho con Vụ (có 6 mặt, nhất nhì tam tứ ngũ lục) quay trên một cái đĩa. Lúc đầu con Vụ quay vòng vòng rất nhanh, sau từ từ chậm lại. Trước khi con Vụ rớt nằm xuống Hoàng phải nhanh tay lấy nắp đậy con Vụ lại. Khi chắc chắn con Vụ đã nằm yên, người chơi mới bắt đầu đặt tiền. Mọi người đặt tiền xong hết rồi, ba Hoàng phải hô to "đặt xong hết rồi phải không, lấy tay ra!". Khi đó Hoàng mới chuẩn bị để tay lại lên chiếc nắp đậy con Vụ và từ từ nhấc chiếc nắp lên. Động tác phải nhẹ nhàng, không để cho động đậy chiếc đĩa. Mọi người hồi hộp nhìn vào đĩa. Khi nhìn thấy mặt con Vụ xong, thường một tiếng la "ô" reo lên từ những kẻ trúng người thua đang đứng ngồi chung quanh. Ba Hoàng không la, không lộ vẻ buồn vui, bình tĩnh, thắng cũng như thua, chỉ lẳng lẳng lấy tay lùa tiền các ô thua vào. Còn ô trúng sẽ từ từ chung tiền sau.

Nhưng hình như năm nào Hoàng cũng giúp ông già làm ăn khấm khá trong ba ngày Tết này? Vì tôi thấy bạn Sắc của tôi bao giờ cũng thua xiển niển, thua đến hết tiền phải đứng dậy đi về, sau khi được Hoàng tặng cho nụ cười "tiễn biệt". Trước sau hai nụ cười, nụ chào lúc tụi tôi đến, nụ tiễn đưa khi tụi tôi phải đứng dậy ra đi khi "sạch túi".

Còn suốt buổi bạn tôi đứng đó chơi, mặt Hoàng lúc nào cũng căng thẳng. Bây giờ nghĩ lại, ngày ấy Hoàng cũng chỉ bông con Vụ bình thường như bao nhiêu người khác thôi, vừa bông vừa niệm Phật, chớ làm sao canh cho con Vụ rớt xuống mặt nào theo như ý ba và ý Hoàng được.

\*

Cô bạn thứ hai, vừa thấy lại trong hình sau trên dưới 50 năm, bạn Lý. Như Nhân, Lý người ở Bờ Đập hay Long Mỹ, năm 11, 12 tuổi vì chiến tranh trong đó không yên nên nhà dời ra làng Phước Hải. Nhà Lý ở trên con đường xứ đỏ, để đi về ấp Nước Ngọt, qua Long Hải. Lý ngày ấy ốm, mảnh mai người. Bây giờ vẫn vậy. Lý nhìn ai hay có cái nhìn nghiêng nghiêng, miệng hay mỉm cười. Nụ cười an phận, hiền hậu. Bây giờ trong hình cũng vậy. Hình như Lý cũng nghỉ học sớm (?). Lúc học, hình như sau giờ học Lý lại lo phụ việc nhà, làm việc nhà, vì ít khi thấy Lý cùng bạn bè nam nữ tụ họp. Cả mấy mươi năm rồi bây giờ mới nhìn lại hình Lý, trong căn nhà đơn sơ. Không biết nhà này của Lý đang ở Phước Hải hay Long Mỹ, Bờ Đập?

Còn Nhân, sau năm đệ lục ở Phước Hải, về Bà Rịa học ở Sĩ Tải như tôi. Nhân chăm học, chỉ lo học. Tôi có gặp lại Nhân ở Sài Gòn, năm 78, khi có người cho tôi địa chỉ của Nhân. Tôi đến thăm. Lúc ấy Nhân đang là cô Cán Sự Y Tế làm trong bệnh viện Grall. Tôi đi bộ dọc qua những hàng cây cao đầy bóng mát, vào một nhà thương to lớn, đồ sộ nằm ngay



giữa thành phố Sài Gòn, để gặp cô bạn gái cùng học chung trường từ dưới quê, rồi lên tỉnh. Nhân khi ấy mặc bộ trắng tinh, y tế, đầu đội mũ trắng, cùng các bạn đồng nghiệp đồng màu trắng, đi lại trên những hành lang dài của bệnh viện như một đàn cò (trắng). Chắc giờ này Nhân đã nghỉ hưu và còn ở Sài Gòn?

\*

Thầy Huynh, Cao Văn Huynh. Kể từ cuối năm lớp nhất (nk 60-61), đến nay mới được dịp xem lại hình thầy. Quê Thầy đâu có xa, Vũng Tàu, nơi tôi đi lại thường xuyên vậy mà không một lần gặp Thầy. Bây giờ cũng chỉ được thấy qua hình! Người thầy giáo đầu đời để lại cho tôi rất nhiều ấn tượng về nhiệm vụ "người thầy". Hình như suốt một năm dạy ở Phước Hải, ngoài giờ dạy 4, 5 tiếng đồng hồ ở lớp Thầy chỉ ở nhà lo chấm bài, soạn bài, còn ngày chủ nhật Thầy về lại Vũng Tàu, nên hầu như không khi nào ngoài giờ học, đi chơi ngoài đường tôi gặp Thầy. Nếu gặp, chỉ trong lớp học. Mới đây Thầy viết, Thầy về dạy, đầu tiên trong đời làm thầy giáo là lớp nhứt, tháng 8 năm 60 ở làng Phước Hải.

Tôi vẫn còn nhớ Thầy vì hai việc. Năm học đó, Thầy dạy lớp nhứt bên nam, cô Vân dạy lớp nhứt hay nhì bên nữ. Giờ ra chơi tụi tôi ra hồ nước gần chia hai dãy lớp nam nữ tiểu học để chọe gheo mấy nữ sinh của lớp cô. Trông đánh vào lớp, cô Vân qua mời Thầy lên văn phòng để "méc vốn". Thầy về lớp, mặt giận hầm hầm, tụi tôi ngồi

run, sau đó Thầy kêu cả lớp từ từ tiến lên bảng, thầy lấy roi quất vào mông mỗi thằng một roi. Đánh đòn đến gần như nửa lớp, bên kia chắc cô Vân thấy, nên cô chạy qua đứng cửa lớp mời Thầy ra và xin tha tội cho bọn tôi, khi ấy Thầy mới ngừng tay. Hên cho những thằng ngồi ở những bàn phía sau.

Việc thứ hai, có lần tôi đã viết, ngày Tết năm đó, Thầy xuống tận nhà tôi để lấy nhánh mai nhỏ do ba tôi tặng để về Vũng Tàu ăn Tết. Hình ảnh Thầy, ngày đó y như bây giờ, kiến trắng, áo sơ mi trắng, quần Tây màu đen, khi ra khỏi nhà tôi một tay thầy cầm gui-đông xe đạp, một tay cầm nhánh mai đưa lên cao, trong làn gió hây hây của buổi chiều trong mấy ngày trước Tết. Thầy đạp đường vòng qua ngã ba ông Tổng, theo đường xứ đỏ, về nơi dãy nhà của thầy cô giáo cư ngụ gần chợ cũ Phước Hải.

Bây giờ chắc chắn Thầy còn ở Vũng Tàu và đã nghỉ hưu. Thầy có viết năm lớp nhứt Thầy không còn nhớ tên em nào. Giờ nếu có nhắc ra chắc Thầy cũng không nhớ, kể cả lần đánh đòn cả nửa lớp. Nhưng hy vọng Thầy sẽ nhớ đến nhánh mai từ làng Phước Hải mà Thầy mang theo về ăn Tết với gia đình ở Vũng Tàu trong năm Thầy vừa ra trường về dạy ở Phước Hải? Và Thầy còn nhớ cô Vân không? Cô Thủy không? (cô Thủy dạy lớp nhì tụi này, năm trước khi thầy về). Rất mong được liên lạc lại với Thầy và cô Thủy.

**Vũ Nam** (Germany)